



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chuyên sản xuất bao PP dệt, túi siêu thị, vải địa kỹ thuật

- Văn Phòng: 414 Lầu 5 - Lũy Bán Bích - P. Hòa Thạnh - Q. Tân Phú - Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 3.9737277 - 3.9737278 - 3.9737276 \* Fax: (84.8) 3.9737279
- Nhà Máy: C11 - C15 Cụm CN nhựa Đức Hòa Hạ - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An  
ĐT: (84) 072.3779328 \* Fax: (84) 072.3779255  
Email: tdhplastic@gmail.com - Website: www.tandaihungplastic.com



Số: 08/2025/CV-TDH

TP.HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng  
Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM  
Điện thoại : (84.28) 39737277 Fax: (84.28) 39737279  
Mã chứng khoán : TPC  
Sàn niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)  
Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Văn Mẹo** – Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2024

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/3/2025 tại đường dẫn: <http://tandaihungplastic.com/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT cty;
- Lưu: VP./

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHỰA  
TÂN ĐẠI HƯNG

Phạm Văn Mẹo

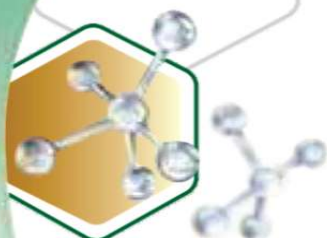
# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2024



TAN DAI HUNG PLASTIC J.S. Co.

ISO 14001:2015  
ISO 9001:2015



**TAN DAI HUNG PLASTIC  
JOINT STOCK COMPANY**

# MỤC LỤC

## Lời ngỏ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

### Phần I. THÔNG TIN CHUNG

|  |          |              |
|--|----------|--------------|
| I. Thông tin khái quát   | Trang 02 | Đến trang 02 |
| II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                     | Trang 03 | Đến trang 03 |
| III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | Trang 04 | Đến trang 05 |
| IV. Định hướng phát triển  | Trang 05 | Đến trang 07 |

### Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh               | Trang 08 | Đến trang 09 |
| II. Tổ chức và nhân sự  | Trang 09 | Đến trang 10 |
| III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                | Trang 10 | Đến trang 10 |
| IV. Tình hình tài chính   | Trang 11 | Đến trang 11 |
| V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu               | Trang 11 | Đến trang 14 |
| VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | Trang 15 | Đến trang 17 |

### Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024                    | Trang 18 | Đến trang 19 |
| II. Tình hình tài chính   | Trang 19 | Đến trang 20 |
| III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2024 | Trang 20 | Đến trang 21 |
| IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai                                   | Trang 21 | Đến trang 23 |
| V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán                       | Trang 23 | Đến trang 23 |
| VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội    | Trang 23 | Đến trang 24 |

### Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. | Trang 24 | Đến trang 28 |
| II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc    | Trang 28 | Đến trang 28 |
| III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị                 | Trang 28 | Đến trang 29 |

### Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

|   |          |              |
|---|----------|--------------|
| I. Hội đồng quản trị  | Trang 30 | Đến trang 33 |
| II. Ban Kiểm soát   | Trang 34 | Đến trang 36 |
| III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, | Trang 36 | Đến trang 36 |

### Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

|          |              |
|----------|--------------|
| Trang 37 | Đến trang 70 |
|----------|--------------|



## **Lời mở của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.**

Kính thưa quý cổ đông,



Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội từ các xu hướng lớn như phục hồi sau đại dịch, biến động địa chính trị, và chuyển đổi xanh.

Tăng Trưởng Kinh Tế Toàn Cầu thấp nhưng ổn định. Tăng trưởng không đồng đều: Các nước phát triển tăng trưởng ở mức thấp, trong khi các nền kinh tế mới nổi (Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Đông) có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn.

**Chính sách tiền tệ thắt chặt:** Nhiều ngân hàng trung ương (Mỹ, EU, Anh) duy trì lãi suất cao nhằm kiểm soát lạm phát, làm giảm động lực đầu tư và tăng trưởng tại một số khu vực.

**Thương Mại Quốc Tế:** Tăng trưởng thương mại toàn cầu chỉ đạt khoảng 1.7-2.0%, thấp hơn so với kỳ vọng. Xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, cùng với căng thẳng Mỹ - Trung, ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng. Tăng trưởng dịch vụ: Dịch vụ xuyên biên giới, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ, tài chính, và du lịch, tăng trưởng mạnh, bù đắp phần nào sự suy giảm của thương mại hàng hóa.

**Biến Động Địa Chính Trị:** Xung đột tại Đông Âu, Đài Loan, và Trung Đông tiếp tục làm tăng rủi ro cho chuỗi cung ứng năng lượng và nguyên liệu toàn cầu.

**Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng:** Các doanh nghiệp đẩy mạnh chiến lược "Trung Quốc + 1" nhằm giảm phụ thuộc vào một quốc gia, tạo cơ hội cho các thị trường mới nổi như Việt Nam, Ấn Độ, và Indonesia.

**Ngành bao bì nhựa tại Việt Nam trong năm 2024** chịu ảnh hưởng từ cả yếu tố trong nước và quốc tế, bao gồm những cơ hội và thách thức.

**Xu hướng giảm thiểu nhựa dùng một lần:** Nhu cầu bao bì thực phẩm tăng: Chi phí nguyên liệu biến động: Giá nguyên liệu nhựa như PE, PP có xu hướng bất ổn, chịu tác động từ giá dầu mỏ và căng thẳng địa chính trị. Điều này làm tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

**Ngành bao bì nhựa tại Việt Nam đang đối mặt với sự cạnh tranh cao** từ cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các công ty đến từ Trung Quốc với chi phí thấp.

Trong suốt quá trình 2024, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành đã luôn nỗ lực vượt qua những khó khăn do ảnh hưởng của cả tình hình thế giới và trong nước.

Công ty đã triển khai hàng loạt các chương trình tinh gọn bộ máy, cải tiến quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, duy trì ổn định đội ngũ quản lý và công nhân.

Sau một năm phấn đấu trong nhiều biến đổi, khó khăn của môi trường kinh doanh và cạnh tranh, với nỗ lực và tâm huyết của mình, Tân Đại Hưng đã đạt và vượt các chỉ tiêu chính yếu do Đại Hội Cổ Đông đề ra của năm 2024: SẢN LƯỢNG đạt 139%, DOANH THU đạt 143%, LỢI NHUẬN sau thuế đạt 149% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2024. So sánh với kết quả năm 2023, sản lượng giảm 6%, doanh thu giảm 21%, lợi nhuận sau thuế tăng 24%.

Chặng đường sắp tới, tình hình kinh tế, chính trị, môi trường, dịch bệnh trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn. Tôi và Hội Đồng Quản Trị công ty cũng như Ban Giám Đốc sẽ nỗ lực hơn nữa để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

Trân trọng,  
PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



# Phần I. THÔNG TIN CHUNG

## I. Thông tin khái quát



|   |  |
|---|--|
| <b>Tên giao dịch:</b>                           | <b>Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng</b><br>TAN DAI HUNG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY                     |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b> | 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 06 năm 2013. |
| <b>Vốn điều lệ:</b>                             | 244.305.960.000 đồng.  |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>               | 244.305.960.000 đồng.  |
| <b>Địa chỉ trụ sở văn phòng:</b>                | 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú, TPHCM.  |
| <b>Số điện thoại:</b>                           | +84 (028) 39 73 72 77  |
| <b>Số fax:</b>                                  | +84 (028) 39 73 72 79  |
| <b>Website:</b>                                 | <a href="http://www.tandaihungplastic.com">http://www.tandaihungplastic.com</a>                          |
| <b>Email:</b>                                   | tdhplastic@gmail.com   |
| <b>Mã cổ phiếu:</b>                             | TPC  |

### Quá trình hình thành và phát triển

#### 1) **Quá trình hình thành và phát triển**

| 1984   | 1994   | 1997   | 2002  | 2006   | 2010  |
|--|--|--|---|--|---|
| Thành lập công ty SXTM Nhựa Tân Đại Hưng, chuyên sản xuất bao bì PP tái sinh cung cấp cho các nhà máy hóa chất, phân bón | Trở thành nhà cung cấp bao bì PP lớn nhất cho các công ty xuất nhập khẩu gạo, các công ty nhập và đóng gói bao phân bón tại Cảng Sài Gòn | Tiếp cận thương mại quốc tế và xuất khẩu sang thị trường Châu Âu | Chuyển từ hình thức Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng | Khánh thành nhà máy tại Cụm Công nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Tăng cường xuất khẩu bao bì PP, vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp vào thị trường Mỹ, Canada | Tăng vốn điều lệ thành 244.305.960.000 đồng |

#### 2) **Quá trình Niêm yết :**

|   |  |
|---|--|
| <b>Ngày 28/11/2007</b>  | Chính thức giao dịch 10.400.000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007. |
| <b>Ngày 30/09/2008</b>  | Niêm yết bổ sung 10.146.000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDCK TPHCM ngày 30/09/2008.                                    |
| <b>Ngày 20/08/2010</b>  | Niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thường theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở GDCK TPHCM ngày 11/08/2010.                 |
| <b>Loại chứng khoán</b>   | Cổ phiếu phổ thông.  |
| <b>Mã chứng khoán</b>   | TPC.   |
| <b>Mệnh giá:</b>  | 10.000 đồng/cổ phiếu.  |
| <b>Tổng số cổ phiếu đã phát hành:</b> 24.430.596 cổ phiếu.  |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.516.956 cổ phiếu (giao dịch tự do).</li> <li>▪ Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.913.640 cổ phiếu.</li> </ul> |  |

### 3) Các sự kiện khác:

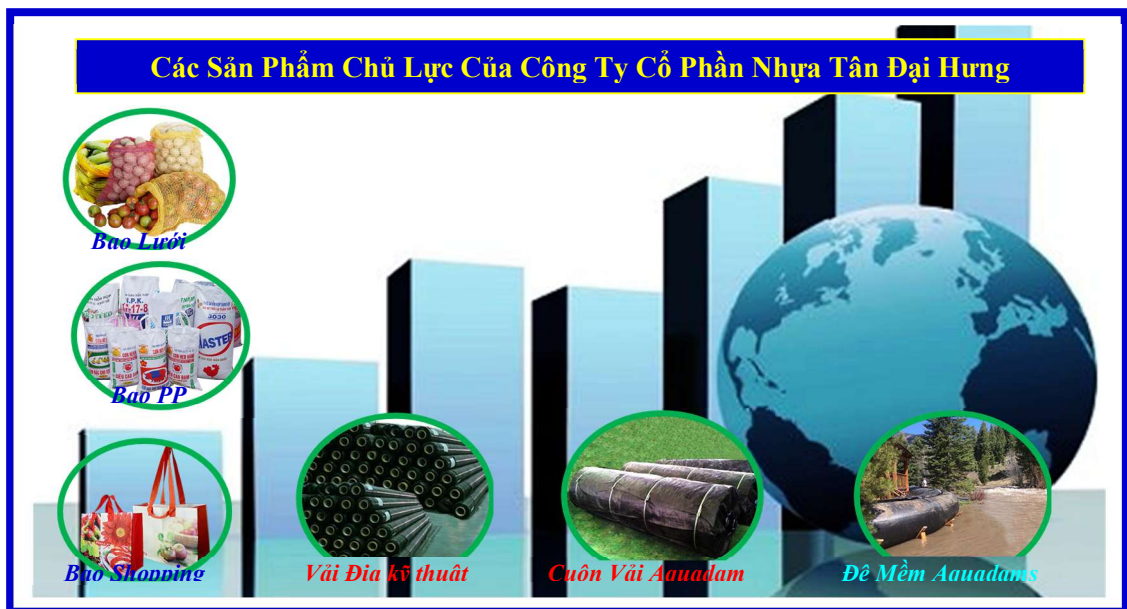


|                     |  |
|---------------------|--|
| <b>Từ năm 2003</b>  | Áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.  |
| <b>27/2/2007</b>    | Được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy”.                                    |
| <b>Tháng 5/2009</b> | Được khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các tiêu chuẩn bộ luật ứng xử “BSCI” và đạt yêu cầu hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”. |
| <b>Từ Năm 2003</b>  | Được Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương Mại) liên tục xét tặng danh hiệu “Doanh Nghiệp Xuất Khẩu Uy Tín”.                                |

## II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 1) Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở) (chính).
- Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET.
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp.
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nông lâm nghiệp.
- Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu.
- Xây dựng công trình công ích khác.
- Xây dựng công trình thủy: Đập và đê.



Ảnh minh họa các nhóm sản phẩm chủ yếu của công ty.

### 2) Địa bàn kinh doanh:

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>Thị trường xuất khẩu</b> | Các sản phẩm bao lưới tròn, bao hộp, bao shopping, bao PP không in chủ yếu xuất vào các nước thuộc khối EU, vải địa kỹ thuật và Aquadams xuất vào Mỹ và Canada, doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng doanh thu hàng năm. |
| <b>Thị trường nội địa</b>   | Các sản phẩm bao lưới, bao PP (có và không có tráng, có và không có PE, in và không in) chủ yếu cung cấp doanh nghiệp sản xuất phân bón và thức ăn gia súc tại các tỉnh miền Nam và Đông Nam bộ.  |

### III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 1) Mô hình quản trị.

- Tân Đại Hưng là công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, hoạt động theo luật doanh nghiệp Việt Nam, được tổ chức và quản trị theo mô hình công ty mẹ & công ty con.
- Cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Hội đồng quản trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### 2) Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ Cơ Cấu Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng



- **Hội Đồng Quản trị gồm:** 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 05 thành viên.
- **Ban Giám Đốc gồm:** 01 Tổng Giám Đốc, 01 Phó TGD, các GD Trưởng Bộ phận chức năng.
- **Bộ phận kinh doanh & cung ứng:** đảm nhiệm chức năng quản trị hoạt động marketing, bán hàng, xuất nhập khẩu, cung ứng nguyên liệu vật tư, & gia công các công đoạn, do 01 Phó TGD phụ trách.
- **Bộ phận hành chính & nhân sự:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động hành chính và nhân lực, do TGD phụ trách (kiêm giám đốc công ty con - nhà máy).
- **Bộ phận Tài chính kế toán:** đảm nhiệm các chức năng quản trị tài chính, kế toán, các kho nguyên phụ liệu và thành phẩm, do GD tài chính kiêm kế toán trưởng phụ trách.
- **Bộ phận Công nghệ kỹ thuật:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động công nghệ, tái sinh nguyên liệu, đảm bảo chất lượng (QA), hệ thống điện, hệ thống máy móc thiết bị (sản xuất và phục vụ sản xuất), do Giám đốc Công nghệ KT phụ trách.
- **Bộ phận kế hoạch & sản xuất & gia công:** đảm nhiệm các chức năng quản trị hoạt động sản xuất và, các kho bán thành phẩm, do GD Sản xuất & Gia công phụ trách.
  - *Phân xưởng 1:* gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (bao PP).
  - *Phân xưởng 2:* gồm các công đoạn Tráng, Ghép, Lộn, PE, Vặn hông, In.
  - *Phân xưởng 3:* gồm 2 nhóm công đoạn Cắt & May và LĐPT & Đóng kiện.
  - *Phân xưởng 4:* gồm các công đoạn Kéo sợi, Dệt (Vải địa kỹ thuật).

**Trong mô hình công ty Mẹ -Con:**



- ☐ *Trụ sở công ty tại thành phố Hồ Chí Minh:* là nơi giao dịch chính thức của công ty, nơi hoạt động thường xuyên của HĐQT và các bộ phận chức năng tài chính và kinh doanh cung ứng.
- ☐ *Nhà máy (Công ty TNHH TĐH) tại Long An:* là nơi hoạt động thường xuyên của BGD và các bộ phận chức năng khác của công ty.

**3) Các công ty con, công ty liên kết.**

- ☐ **Công ty con:** Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “Công ty TNHH TĐH”, giấy chứng nhận ĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- ☐ **Công ty liên kết:** Không có.

## IV. Định hướng phát triển

### 1) Định hướng tổng thể:

|                        |  |
|------------------------|--|
| <b>Tầm nhìn</b>        | Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phát triển liên tục và bền vững cùng với ngành nhựa Việt Nam, gắn liền với bảo vệ môi trường thiên nhiên và lợi ích xã hội.  |
| <b>Sứ mệnh</b>         | Trở thành trở thành một doanh nghiệp bao bì hàng đầu tại Việt Nam và khu vực; phát huy thế mạnh và sở trường, chủ động hội nhập vào thị trường quốc tế theo các hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam với các nước khác.  |
| <b>Giá trị cốt lõi</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>☐ <b>Minh Bạch:</b> Công bố thông tin đầy đủ, các dữ liệu và số liệu của công ty rõ ràng, rành mạch, trung thực.</li> <li>☐ <b>Kỷ Cương:</b> Tất cả tổ chức và hoạt động của công ty đúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và các chính sách qui định qui trình nội bộ.</li> <li>☐ <b>Chuyên Nghiệp:</b> Công ty sản xuất kinh doanh bao bì nhựa hơn 30 năm, cán bộ công nhân năng động, có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, được sắp xếp phù hợp với năng lực trong môi trường làm việc khuyến khích sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, phù hợp với văn hóa công ty và tinh thần đội ngũ (<i>team-work</i>).</li> <li>☐ <b>Cạnh Tranh:</b> Tân Đại Hưng là Thương Hiệu uy tín, đảm bảo Chất Lượng, đáp ứng sản lượng lớn, giá cả có lợi cho khách hàng, đảm bảo giao hàng đúng hẹn, thực hiện đúng đủ những thoản thuận và cam kết với khách hàng.</li> <li>☐ <b>Hiệu Quả:</b> Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang đến lợi ích thiết thực và tốt nhất cho các đối tác và khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.</li> </ul> |

### 2) Chiến lược tổng thể trung và dài hạn (đến năm 2029)

|                            |  |
|----------------------------|--|
| <b>Mục tiêu</b>            | Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân >3% hằng năm, giữ vững vị trí trong top 10 ngành bao bì nhựa của Việt nam.  |
| <b>Thương hiệu</b>         | Tiếp thị nhạy bén, nắm bắt xu hướng và hoạch định sát đúng nhu cầu khách hàng, cơ cấu sản phẩm đáp ứng được sự cạnh tranh về giá bán, duy trì thương hiệu hàng đầu về bao bì, chọn lựa đối tác kết nối hợp lý trong chuỗi giá trị quốc tế. |
| <b>Chất lượng sản phẩm</b> | Lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm cạnh tranh và lấy công nghệ sản xuất tiên tiến làm nền tảng cho sự phát triển.   |
| <b>Công nghệ sản xuất</b>  | Liên tục cải tiến đổi mới nâng cấp máy móc thiết bị, tối ưu hóa các dòng sản phẩm và qui trình sản xuất, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu và phát triển nhằm cải tiến công   |

|                                       |  |
|---------------------------------------|--|
|                                       | nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm tối đa hóa lợi nhuận.   |
| <b>Năng suất và sản lượng</b>         | Vận dụng Lean Production và 5S nhằm loại bỏ các lãng phí và giảm chi phí, hợp lý hoá quy trình sản xuất, ngăn ngừa sai lỗi ngay từ khâu đầu tiên, gia tăng hiệu suất và hiệu quả các quá trình sản xuất tổng thể và mỗi công đoạn. |
| <b>Tài chính</b>                      | Kiểm soát nội bộ tốt, chú trọng quản trị phòng tránh rủi ro, đảm bảo tình hình tài chính công ty lành mạnh, đạt các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức hàng năm.   |
| <b>Quản trị</b>                       | Liên tục cập nhật, vận dụng các hệ thống quản trị tiên tiến nâng cao năng lực quản trị điều hành công ty phù hợp theo sự phát triển công nghiệp 4.0, xây dựng môi trường làm việc thu hút nguồn nhân lực, mời gọi nhân tài.        |
| <b>Xây dựng và phát triển văn hoá</b> | Xây dựng tư duy quản trị tiên tiến trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên dựa trên nền tảng nguồn nhân lực năng động sáng tạo, chuyên môn cao. Xây dựng một tác phong chuyên nghiệp, tất cả vì lợi ích cao nhất của khách hàng.      |
|                                       |  |

### 3) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2025.



| TT | Chỉ tiêu cơ bản          | Năm 2025 | Ghi chú   |
|----|--------------------------|----------|---|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn)   | 11,305   | Tăng 36% so với kế hoạch 2024, giảm 2% so với thực tế năm 2024. |
| 2  | Doanh thu bao bì (tỷ)    | 428.47   | Tăng 41% so với kế hoạch 2024, và giảm 1% so với thực tế 2024.  |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế (tỷ)  | 8.8      | Tăng 10% so với kế hoạch 2024, và Giảm 16% so với thực tế 2024. |
| 4  | Mức chia cổ tức (%)      | 3.9%     | Tăng 8% so với kế hoạch 2024.                                   |
| 5  | Tỷ lệ phế/thành phẩm (%) | ≤ 6%     | Như năm 2024  |

Năm 2025, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại.

Vì vậy sang năm 2025, dự báo một số nhóm hàng vẫn bị ảnh hưởng của tình hình kinh tế, chính trị thế giới. Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu bao bì & lợi nhuận sau thuế năm 2025 được xây dựng trên cơ sở những dự đoán về thị trường và năng lực điều chỉnh của nhà máy.

### 4) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Tân Đại Hưng luôn đặt mục tiêu kinh doanh đi đôi với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong các hoạt động, Công ty quan tâm công tác xã hội và chú trọng chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho toàn thể CB – CNV tại Công ty. Công ty cam kết đảm bảo liên tục:

- Không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu tiêu hao năng lượng, cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất. Nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Tổ chức thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ).
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau) do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động tài trợ cộng đồng của các địa phương (các địa bàn trụ sở và nhà máy).

## V. Phòng chống các rủi ro:

Công ty đã nhận diện, đã và đang thực hiện các biện pháp những biện pháp phòng chống rủi ro:

| <b>Lĩnh vực rủi ro</b>              | <b>Nhóm giải pháp và biện pháp</b>   |
|-------------------------------------|--|
| <b>Pháp luật</b>                    | Thay đổi về thể chế, chính sách, pháp luật sẽ được theo dõi và thay đổi kịp thời để đảm bảo tổ chức và hoạt động công ty luôn hiệu quả..   |
| <b>Thị trường và khách hàng</b>     | Cập nhật thường xuyên tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên để nắm vững tình hình khách hàng, có những chiêu thức marketing và bán hàng phù hợp.  |
| <b>Giá nguyên liệu</b>              | Theo dõi xu hướng thay đổi của giá nguyên liệu để quyết định mua và tồn kho hợp lý, hạn chế tối đa biến động giá nguyên liệu tác động xấu đến giá thành và giá bán, đảm bảo ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.   |
| <b>Tỷ giá và lãi suất ngân hàng</b> | Theo dõi chính sách tiền tệ, tình hình tỷ giá để sử dụng có lợi nhất nguồn USD từ doanh thu xuất khẩu, phòng tránh hệ quả khi tỷ giá biến động mạnh; kiểm soát thay đổi hạn mức và lãi suất vay ngân hàng để hạn chế ảnh hưởng đến quá trình mua nguyên vật liệu cho sản xuất và hiệu quả hoạt động chung của công ty. |
| <b>Giao nhận, vận chuyển</b>        | Thực hiện bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.  |
| <b>Công nghệ</b>                    | Theo dõi thay đổi công nghệ sản xuất trong thời đại công nghiệp 4.0, có những dự báo và kế hoạch để chuyển đổi phù hợp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng.   |
| <b>Chất lượng</b>                   | Chọn nhiều nhà cung cấp và sản xuất thử mẫu, đánh giá nguyên liệu. Kiểm tra kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu và tất cả công đoạn, tránh rủi ro trong quá trình sản xuất, dẫn đến chất lượng các thành phẩm không đảm bảo.  |
| <b>Thanh toán</b>                   | Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả, không để phát sinh nợ xấu.   |
| <b>Lao động</b>                     | Tình trạng dịch chuyển lao động có xu hướng tăng: đào tạo để nâng cao tay nghề, kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất mới, thực hiện chính sách chăm lo tốt để người lao động an tâm và gắn bó, đặc biệt là người có tay nghề cao. Điều phối kịp thời qua các công đoạn để đảm bảo sản lượng và tiến độ sản xuất.         |
| <b>Thông tin và internet</b>        | Nhắc nhở, giám sát quan hệ và phân công hợp lý nhân viên, có những biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm giữ an toàn của hệ thống mạng thông tin, phòng tránh các rủi ro từ mạng internet, tiết lộ các thông tin cần bảo mật của công ty.  |
| <b>Cơ sở hạ tầng</b>                | Lắp đặt hệ thống thiết bị giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chủ động phòng chống cháy nổ, giông bão, không để xảy ra trộm cắp làm thiệt hại tài sản và uy tín công ty.  |
| <b>Giao dịch chứng khoán</b>        | Theo dõi tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty, phòng tránh biến động xấu và nguy cơ bị thao túng, đầu tư.  |



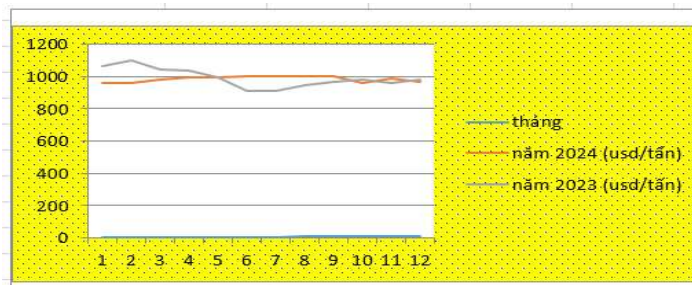
## Phần II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

### I. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 1) Những thay đổi của môi trường kinh doanh và các giải pháp đã thực thi đạt hiệu quả:

|   | Tình hình môi trường kinh doanh 2024  | Nhóm giải pháp đã thực thi  |
|---|---|---|
| ✚ | TÌNH HÌNH CHUNG: 2024 TDH phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt. Ngành bao bì nhựa tại Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh cao từ cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, đặc biệt là các công ty đến từ Trung Quốc với chi phí thấp hơn.   | Kiểm soát chi phí mua hàng và mức tồn kho, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm tùy theo tình hình, tiếp thị khách hàng thị trường mới, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí SX, giá bán cạnh tranh.   |
| ✚ | Thị trường XUẤT KHẨU : Thị trường Mỹ & Canada (thị trường chính của TDH trước đây), gần như các mục liên quan đến xây dựng đường xá đóng băng do lạm phát kéo dài.<br><br>Thêm vào đó, hàng tồn kho của khách hàng còn nhiều ở mức giá cao từ năm 2023 nên các khách Mỹ và Canada hầu như không đặt hàng mới trong năm 2024.<br><br>Thị trường châu Âu, khách hàng có rất nhiều nhà cung cấp: nội địa châu Âu, Ấn Độ, Indonesia,... | Kiểm soát tồn kho, điều chỉnh kế hoạch sản xuất để giảm lượng tồn kho, linh hoạt trong đàm phán và điều chỉnh lịch book container để giảm thiểu tổn thất chi phí do cước tàu tăng cao.  |
| ✚ | Thị trường NỘI ĐỊA : Trong năm 2024, thị trường thức ăn gia súc tại Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng chú ý.<br><br>Xu thế các công ty sản xuất cám sẽ khép kín từ chăn nuôi đến cung cấp thịt. Sẽ sử dụng xe bồn trực tiếp chứa cám cho các trang trại lớn, bao bì đựng cám chuyển cho các đại lý hoặc các trại nhỏ mà xe bồn chưa vận chuyển vào được.  | Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng trong ngành thức ăn gia súc – thủy sản (có thêm một số khách hàng lớn - mới tiềm năng như Công ty Cargill, Cty De Heus, Cty Uni President, Cty Tiên Đại Phát, Cty CP máng bao thiếc. CJ Bột Mì.), đẩy mạnh tăng thị phần ở những khách hàng cũ . |

#### DIỄN BIẾN THỊ GIÁ NGUYÊN LIỆU PP – NĂM 2024 (usd/tấn)



- Giá PP bình quân năm 2024 thấp hơn giá bình quân năm 2023 chỉ 1%
- Giá PP năm 2024 khá bình ổn, không có biến động lớn.

2) **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

a) **Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:**

| TT | Chỉ tiêu               | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | % So với Kế hoạch |
|----|------------------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn) | 8,323.000     | 11,586         | 139%              |
| 2  | Doanh thu: (tỷ đồng)   | 303.733       | 433.988        | 143%              |
| 3  | Lợi nhuận: (tỷ đồng)   | 8.0000        | 11.903         | 149%              |

**Trong đó:**

- **Tổng sản lượng thực hiện** : 11.586 tấn (tăng 39% so với kế hoạch năm).
  - Sản lượng XK đạt : 3.522 tấn, chiếm 30% tổng sản lượng.
  - Sản lượng nội địa : 8.063 tấn, chiếm 70% tổng sản lượng.
- **Tổng doanh thu bán hàng** : 433,98 tỷ đồng (tăng 43% so với kế hoạch năm).
  - Doanh thu XK : 148,61 tỷ đồng chiếm 34% tổng doanh thu.
  - Doanh thu nội địa : 285,37 tỷ đồng chiếm 66% tổng doanh thu.

b) **So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giữa năm 2024 với năm 2023:**

| TT | Chỉ tiêu               | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2023 | So sánh 2024/2023 |
|----|------------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn) | 11,586         | 12,363         | 94%               |
| 2  | Doanh thu: (tỷ đồng)   | 433.988        | 552            | 79%               |
| 3  | Lợi nhuận: (tỷ đồng)   | 11.903         | -49            | 124%              |

✦ **Cơ cấu sản lượng và doanh thu theo khu vực thị trường đạt được như sau:**

| Sản lượng bán ra      | Tấn                | %           |
|-----------------------|--------------------|-------------|
| Xuất khẩu             | 3,522.000          | 30%         |
| Nội địa               | 8,063.000          | 70%         |
| <b>Tổng sản lượng</b> | <b>11,586.0000</b> | <b>100%</b> |

| Doanh thu bán ra      | Tỷ đồng         | %           |
|-----------------------|-----------------|-------------|
| Xuất khẩu             | 148.615         | 34%         |
| Nội địa               | 285.372         | 66%         |
| <b>Tổng doanh thu</b> | <b>433.9880</b> | <b>100%</b> |

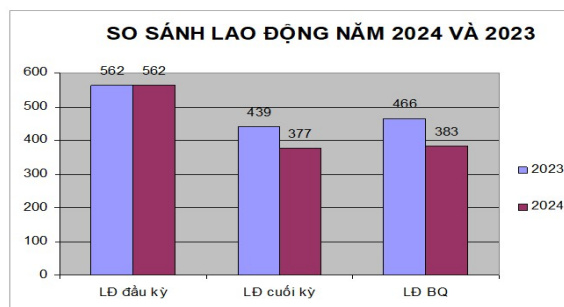
## II. Tổ chức và nhân sự

1) **Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Nhựa Tân Đại Hưng (10/03/2024)**

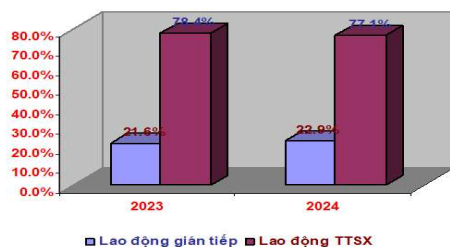
| TT | Họ và tên                | Giới tính | Năm sinh | Chức Danh      | Số lượng Cp sở hữu cổ phần có biểu quyết | Tỷ Lệ% | Ghi Chú               |
|----|--------------------------|-----------|----------|----------------|--|--------|-----------------------|
| 1  | Ông Phạm Văn Mèo         | Nam       | 1963     | Tổng giám đốc  | 55,000                                   | 0.23%  |                       |
| 2  | Cô Tôn Thị Hồng Minh     | Nữ        | 1974     | Phó Tổng GD    | 704,000                                  | 2.88%  |                       |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Nữ        | 1962     | Kế toán trưởng | 177,160                                  | 0.37%  | Miễn nhiệm 03/05/2024 |
| 4  | Ông Nguyễn Văn Trình     | Nam       | 1978     | Kế toán trưởng |  |        | Bổ nhiệm 03/05/2024   |

2) **Số lượng cán bộ, nhân viên và tóm lược chính sách đối với người lao động:**

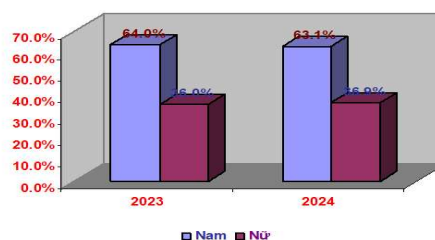
- Tổng số lao động trong công ty làm việc tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 377 người: gồm 238 lao động nam, 139 lao động nữ. Trong đó lao động trực tiếp 291 lao động chiếm tỷ lệ 77.1% trên tổng số lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới).
- Tóm lược các Chính sách đối với người lao động (xem thêm chi tiết phần bên dưới):
  - Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo luật lao động.
  - Lãnh đạo công ty luôn chú trọng ổn định việc làm, tiếp tục nâng cao thu nhập thông qua hiệu quả sản xuất, làm việc; có những chính sách khuyến khích sáng kiến cải tiến, thâm niên, thưởng thành tích định kỳ và đột xuất.
  - Hàng năm tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ trong nội bộ trong Công ty.



**Biểu đồ cơ cấu theo tính chất công việc**



**Biểu đồ cơ cấu theo giới tính**



### III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 1) Các khoản đầu tư góp vốn.

Trong năm 2024 Công ty không có bổ sung vốn kinh doanh.

#### 2) Các khoản đầu tư cổ phiếu thể hiện như sau:

Các khoản đầu tư cổ phiếu công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2024 như sau: (Đvt: đồng)

| Đơn vị đầu tư                       | Mã Cổ Phiếu | Cuối năm 2024 |               | Đầu năm 2024 |                |
|-------------------------------------|-------------|---------------|---------------|--------------|----------------|
|                                     |             | Số lượng      | Giá Trị       | Số lượng     | Giá Trị        |
| Ngân hàng TMCP Á Châu               | ACB         | 3             | 198,949       | 3            | 198,949        |
| Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam         | EIB         | 7             | 148,448       | 7            | 148,448        |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Trái phiếu  |               | 8,000,000,000 |              | 17,000,000,000 |

#### 3) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công Ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng: không có.
- Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng không liên kết với Công ty nào khác.
- Công ty con:
  - ✓ Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đầu tư và đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ đồng của “ Công Ty TNHH TĐH” GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ Lô C11 – C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An.
- Tình hình hoạt động của công ty TNHH TĐH ổn định (thực chất đây là nhà máy sản xuất bao bì và kho hàng của Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng),



- Công ty “con” hàng năm đều được kiểm toán và báo cáo cùng với công ty “Mẹ” để có báo cáo tài chính hợp nhất và công bố thông tin minh bạch (xem phần báo cáo tài chính).

#### IV. Tình hình tài chính

##### 1) Tình hình tài chính (đơn vị tính: VNĐ)

| Chỉ tiêu                          | Năm 2023         | Năm 2024        | So sánh 2024/2023 |
|-----------------------------------|------------------|-----------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 469,138,022,031  | 484,361,837,484 | 103.25%           |
| Doanh thu thuần                   | 567,046,033,540  | 436,556,738,081 | 76.99%            |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (49,491,843,801) | 7,305,152,185   | Tăng nhiều        |
| lợi nhuận khác                    | 4,516,712,086    | 4,598,639,299   | 101.81%           |
| lợi nhuận trước thuế              | (44,975,131,715) | 11,903,791,484  | Tăng nhiều        |
| lợi nhuận sau thuế                | (48,776,129,315) | 11,903,791,484  | Tăng nhiều        |

##### 2) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu - chỉ số                             | 2023    | 2024   | Ghi chú +/- % |
|---|---------|--------|---------------|
| <b>Tổng Tài Sản</b>                           |         |        |               |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)             | 51.82%  | 86.65% | Tăng          |
| Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)              | 48.18%  | 13.35% | Giảm          |
| <b>Nợ phải trả</b>                            |         |        |               |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)                | 37.83%  | 38.31% | 0.47%         |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)             | 62.17%  | 61.69% | -0.47%        |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)                | 60.86%  | 62.09% | 1.24%         |
| <b>Tỷ Số Lợi nhuận</b>                        |         |        |               |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ST/Doanh thu thuần (LN biên)  | -8.60%  | 2.73%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)           | -10.56% | 2.46%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)         | -16.99% | 3.98%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần                  | -19.97% | 4.87%  | Tăng nhiều    |
| <b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>           |         |        |               |
| Tỷ số khả năng thanh toán nhanh               | 1.37    | 2.26   | Tăng          |
| Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt          | 1.08    | 1.94   | Tăng          |
| <b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>            |         |        |               |
| Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn kho) | 3.93    | 7.99   | Tăng          |
| Doanh thu thuần trên tổng tài sản             | 122.76% | 90.06% | Giảm          |

#### V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

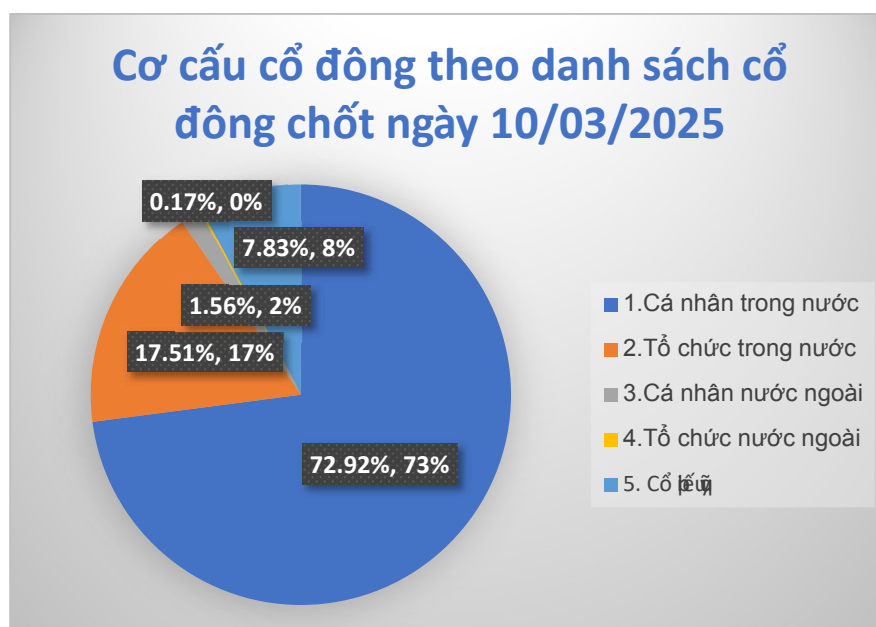
##### 1) Cổ phần:

| Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng     | Số Cổ phiếu |
|--|-------------|
| Tổng số cổ phần phát hành                      | 24.430.596  |
| Số cổ phần đang lưu hành (chuyển nhượng tự do) | 22.516.956  |
| Số Cổ phần Cổ phiếu quỹ nắm giữ                | 1.913.640   |
| Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng               | 00          |
| Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài           | 00          |

2) **Cơ Cấu Cổ đông:** Theo Danh Sách VSD gửi ngày 12/03/2025 số: 174/2025-TPC/ VSDC-ĐK

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/03/2025)

| Loại cổ đông                  | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phiếu | TS quyền biểu quyết | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|-------------------------------|------------------|-------------------|---------------------------|---------------------|------------------------|
| <b>I. Cổ đông trong nước</b>  | <b>562</b>       | <b>22,093,554</b> | <b>90.43%</b>             | <b>22,093,554</b>   | <b>98.120%</b>         |
| 1. Cá nhân                    | 554              | 17,815,375        | 72.92%                    | 17,815,375          | 79.12%                 |
| 2. Tổ chức                    | 8                | 4,278,179         | 17.51%                    | 4,278,179           | 19.00%                 |
| <b>II. Cổ đông nước ngoài</b> | <b>22</b>        | <b>423,402</b>    | <b>1.73%</b>              | <b>423,402</b>      | <b>1.88%</b>           |
| 1. Cá nhân                    | 16               | 381,452           | 1.56%                     | 381,452             | 1.69%                  |
| 2. Tổ chức                    | 6                | 41,950            | 0.17%                     | 41,950              | 0.19%                  |
| <b>III. Cổ phiếu quỹ</b>      |                  | <b>1,913,640</b>  | <b>7.83%</b>              | -                   | <b>0.000%</b>          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>584</b>       | <b>24,430,596</b> | <b>100.00%</b>            | <b>22,516,956</b>   | <b>100.000%</b>        |



3) **Các cổ đông lớn của công ty:**

| TT | Tên Cổ Đông     | Quốc tịch | TSCP Sở hữu | % Sở Hữu / TSCP |
|----|-----------------|-----------|-------------|-----------------|
| 1  | Lê Thị Mỹ Hạnh  | Việt Nam  | 3,382,590   | 13,85%          |
| 2  | Phạm Trung Cang | Việt Nam  | 3,223,220   | 13,19%          |

4) **Tình hình giao dịch liên quan của các “Cổ đông lớn” và “cổ đông nội bộ”:**

- Ngày 29/11/2024 Ông Trần Hữu Vinh là Thành Viên HĐQT đã xin từ nhiệm ngày 02/05/2024 :
  - Đăng ký giao dịch bán: 7.000 Cp TPC ,
  - Số lượng Cổ phiếu đã giao dịch : 4.000 CP TPC “ BC KQGD ngày 26/12/2024”
  - Số lượng Cổ Phiếu còn lại: 3.000 CP TPC “ BC KQGD ngày 26/12/2024”

- Trong năm 2024, có phát sinh giao dịch với công ty mà người có liên quan là Giám đốc có liên quan thành viên HĐQT về việc chuyển nhượng nhà xưởng với tổng trị giá 144 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế).

**5) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

| Vốn Chủ Sở Hữu       | Vốn góp chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ     | Cộng            |
|----------------------|--------------------|----------------------|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước  | 244,305,960,000    | 86,242,518,451       | (40,632,476,860) | 289,916,001,591 |
| Số dư cuối năm trước | 244,305,960,000    | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,396,001,591 |
| Số dư đầu năm nay    | 244,305,960,000    | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,396,001,591 |
| Số dư cuối năm nay   | 244,305,960,000    | 82,683,222,451       | (24,593,180,860) | 302,396,001,591 |

**6) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2024, Công ty đã không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

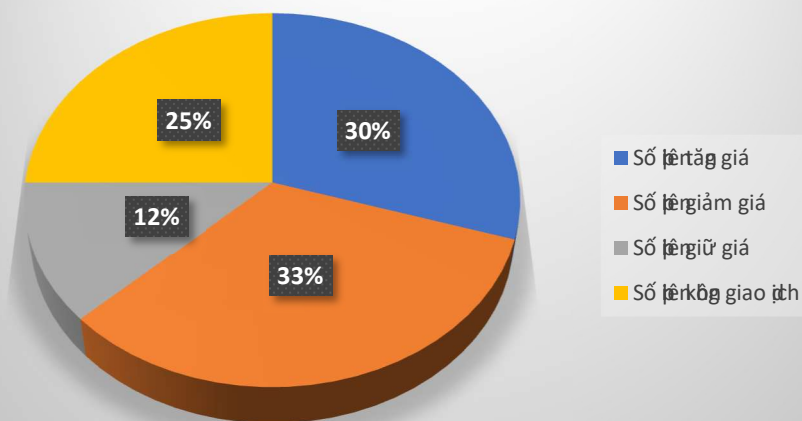
**7) Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC trên sàn HOSE năm 2024.**

**Tình hình giao dịch cổ phiếu TPC của công ty trên sàn HOSE năm 2024:**

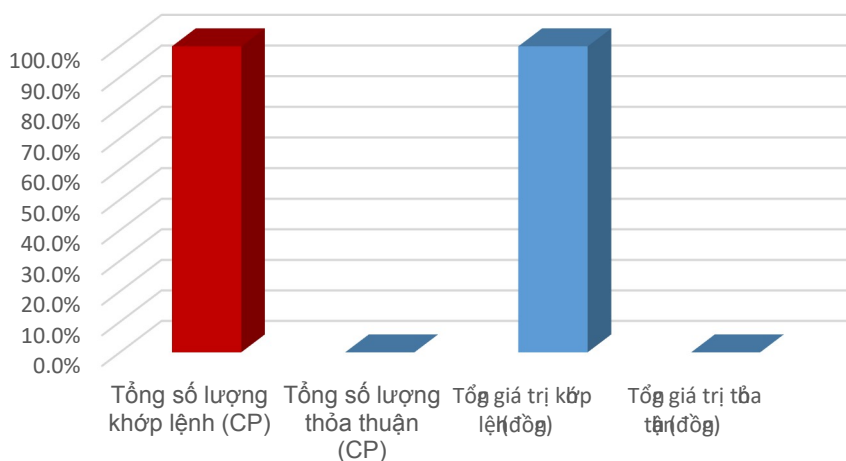
Theo ảnh hưởng chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam, tổng khối lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch của cổ phiếu TPC năm 2024 giảm, bình quân giá giao dịch cả năm 3,2% so với năm 2023, giá đóng cửa phiên cuối năm là 7.700 đồng tăng 1.900 đồng với phiên mở cửa đầu năm (giá 5,800 đồng). Và tăng 590 đồng so với phiên đầu năm cùng kỳ năm trước.

| THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2024  |                |        |
|---|----------------|--------|
| Chỉ tiêu                                  | 2024           | Tỷ lệ  |
| TS phiên tăng giá                         | 57             | 17.5%  |
| TS phiên giảm giá                         | 39             | 12.0%  |
| TS phiên giữ giá                          | 154            | 47.4%  |
| TS phiên không GD                         | 75             | 23.1%  |
| Tổng KLGĐ khớp lệnh (cp)                  | 2,196,200      | 100.0% |
| Tổng GTGD khớp lệnh (đồng)                | 13,109,000,000 | 100.0% |
| Bình quân GTGD/KLGĐ/CP (đồng)             | 5,969          |        |
| Tổng KLGĐ thỏa thuận (cp)                 | -              | 0.0%   |
| Tổng GTGD thỏa thuận (đồng)               | -              | 0.0%   |
| Bình quân GTGDTT/CP (đồng)                | -              |        |
| Thị giá mở cửa 02/01/2024                 | 5,800          |        |
| Thị giá đóng cửa 31/12/2024               | 7,700          |        |
| So sánh thị giá 2024 (cuối-đầu)           | 1,900          | 32.8%  |
| Thay đổi giá trị vốn hóa tương ứng (đồng) | 46,418,132,400 |        |

## Cơ cấu giao dịch TPC 2024



## Cơ cấu phương thức giao dịch TPC 2024



## Sơ so sánh giao dịch cổ phiếu TPC năm 2024 với năm 2023.

| THÔNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TPC NĂM 2023-2024 |                |                |                   |
|---|----------------|----------------|-------------------|
| Hạng mục                                      | Năm 2023       | Năm 2024       | So sánh 2024/2023 |
| <i>TS phiên tăng giá</i>                      | 29.84%         | 17.54%         | -41.2%            |
| <i>TS phiên giảm giá</i>                      | 33.06%         | 12.00%         | -63.7%            |
| <i>TS phiên giữ giá</i>                       | 12.10%         | 47.38%         | 291.7%            |
| <i>TS phiên không GD</i>                      | 25.00%         | 23.08%         | -7.7%             |
| <i>Tổng KL giao dịch</i>                      | 2,675,800      | 2,196,200      | -17.9%            |
| <i>Tổng GT giao dịch</i>                      | 15,483,000,000 | 13,109,000,000 | -15.3%            |
| <i>Bình quân GTGD</i>                         | 5,785          | 5,969          | 3.2%              |



### 8) Các chứng khoán khác:

- Trong năm Công Ty không có giao dịch các Chứng khoán khác.

## VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 1) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Thực hiện tốt việc điều phối phối trộn, cung cấp nguyên liệu sử dụng cho PX kéo sợi theo từng nhóm hàng và từng nhóm CTPT khác nhau.
- Thực hiện tốt việc theo dõi đánh giá tương quan giữa CTPT Kéo sợi, Lực kéo, độ giãn của vải để có những điều chỉnh phù hợp giúp duy trì chất lượng bao bì và giảm chi phí CTPT
- Cân đối linh hoạt sử dụng các loại PP tái sinh nhưng vẫn giữ ổn định chất lượng sản phẩm. đặc biệt nguồn PP tái sinh biến động liên tục theo từng tháng.
- Chủ động thử nghiệm, đánh giá các nguyên liệu mới có khả năng thay thế các nguyên liệu có sẵn với phi phí thấp hơn nhằm không bị động bởi các sự cố bất ngờ về nguyên liệu.
- Thực hiện tốt công tác giám sát sử dụng nguyên liệu tại phân xưởng tráng, tình hình sử dụng mực in và dung môi tại phân xưởng in.
- Kiểm soát và thực hiện sản xuất liên tục, ổn định số lượng và chất lượng đáp ứng tiến độ sử dụng nguyên phụ liệu chỉ tơ, UV của BPSX

### 2) Tiêu thụ năng lượng:

- Bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống các TỤ BÙ của các trạm điện , Đảm bảo hệ  $\text{Cos}\Psi > 0.9$  . Dẫn đến công ty không bị điện lực phạt như các năm trước
- Gắn các thiết bị tự động mở theo giờ sử dụng hơi hiệu quả tránh lãng phí
- NĂM 2024 sử dụng tổng cộng **11,816,060** Kw điện ( Đo đếm trên đồng hồ điện lực )
- Năm 2024 sử dụng điện ( Kw/Kg) **GIẢM 5%** so với 2023
- Trong năm 2024 giá điện tăng 1 lần 4,8%

### 3) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

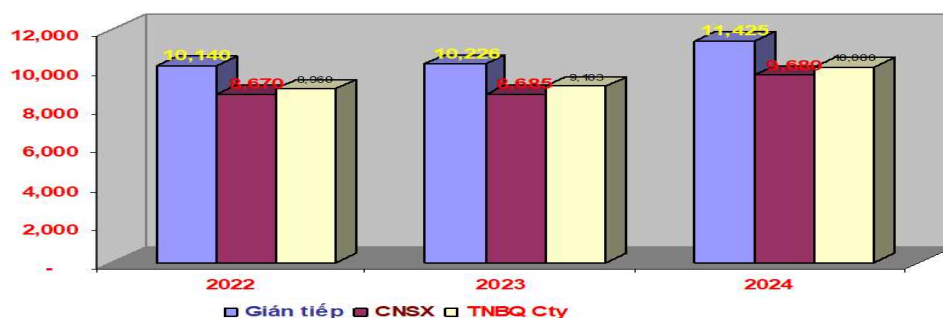
- Công ty không bị xử phạt vi phạm liên quan đến việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

### 4) Chính sách liên quan đến người lao động

#### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số lao động của công ty là 377 người: gồm 238 lao động nam , 139 lao động nữ . Trong đó lao động trực tiếp 291 lao động chiếm tỷ lệ 77.1% trên tổng số lao động.
- Tổng số lao động năm 2024 giảm 62 lao động (14.1% so với năm 2023), do cơ cấu sắp xếp lại công việc, tinh giảm lao động, cải tiến lại quy trình sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thu nhập trực tiếp của CBNV bình quân năm 2024: tăng so với năm 2023, Thu nhập bình quân CNSX năm 2024 là 9.680.000 so với năm 2023 là 8.685.000 đồng /tháng (do cải tiến quy trình, tăng năng suất & tăng ca).

Biểu đồ thu nhập bình quân (ĐVT ngàn đồng)



#### b) Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- *Chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN:* công ty trích đóng thay các khoản bảo hiểm bảo hiểm này cho toàn bộ cho người lao động (*đây là chính sách đặc biệt so với các doanh nghiệp khác*).
- *Các chế độ thưởng:* Lương tháng 13 (*mức bình quân thu nhập tháng trong năm*), thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC (*Đảm bảo từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với CNSX*).
- *Các chế độ chăm sóc, phúc lợi khác:*
  - Có xe đưa rước CB-CNV từ các điểm tập trung đến nơi làm việc.
  - Đảm bảo thời gian nghỉ giữa ca, chế độ phép năm, chế độ phụ cấp tăng ca.
  - Tổ chức tham quan nghỉ mát và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động; tặng quà tất cả dịp lễ tết (30/4, 2/9, tết Dương lịch, tết Âm lịch); có chế độ trợ cấp hợp lý các trường hợp tang chế, ma chay, cưới hỏi, thai sản, tai nạn lao động.
  - Tổ chức bếp ăn tập thể với diện tích 500m<sup>2</sup> trong khuôn viên công ty (*Thuê đơn vị dịch vụ cung cấp bữa ăn giữa ca miễn phí cho CB-CNV Công ty, bếp ăn đạt GCN an toàn vệ sinh thực phẩm qua kiểm tra của ngành y tế địa phương*).
  - Khu lưu trú với 50 phòng (*gồm 40 phòng diện tích 60 m<sup>2</sup> /phòng và 10 phòng diện tích 32 m<sup>2</sup> /phòng*) phục vụ chỗ ở miễn phí cho CB-CNV có nhu cầu. Tổng số CB-CNV ở lại khu lưu trú hiện nay là 217 người và một số người thân (57.5% tổng số lao động, chủ yếu là công nhân nhà ở xa).
  - Công đoàn Công ty phối hợp với công đoàn huyện trao các phần quà cho các gia đình CB-CNV khó khăn nhưng có con vượt khó đạt học sinh giỏi /tiên tiến. Thực hiện tổ chức thăm viếng các gia đình có tang gia, phát quà 8/3 cho chị em phụ nữ .v.v...
  - Thực hiện các chế độ trong năm.
  - Năm 2024 do tiếp tục cơ cấu, sắp xếp lại quy trình sản xuất & tinh giảm lao động nên phát sinh chế độ giải quyết nghỉ việc cho người lao động.

| STT              | Chế độ                             | Số trường hợp | Số tiền (VNĐ)        |
|------------------|------------------------------------|---------------|----------------------|
| 1                | Tham quan nghỉ mát                 | 337           | 195,300,000          |
| 2                | Mừng Quốc tế phụ nữ 8/3            | 169           | 50,700,000           |
| 3                | Ma chay                            | 5             | 3,500,000            |
| 4                | Cưới hỏi                           | 1             | 500,000              |
| 5                | Thai sản                           | 5             | 1,500,000            |
| 6                | Trợ cấp khó khăn (CB-CNSX Công ty) | 1             | 10,000,000           |
| 7                | Giải quyết nghỉ việc               | 134           | 1,354,229,000        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                    | <b>652</b>    | <b>1,615,729,000</b> |

**c) Cung cấp suất ăn giữa cho CB-CNV:**

- Tuân thủ đúng qui trình giao nhận, có bảo vệ kiểm tra, kiểm soát, thực phẩm có giấy kiểm dịch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.
- Thực hiện qui trình bếp ăn 1 chiều, mẫu thức ăn được lưu hàng ngày kèm phiếu lưu mẫu.
- Về nguồn nước nấu hợp vệ sinh, có giấy kiểm nghiệm
- Chủ động tìm mới có nguồn thực phẩm giá rẻ nhưng phải "đảm bảo an toàn vệ sinh" nhập để giảm chi phí cho công ty.

**d) Hoạt động đào tạo người lao động:**

- *Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau:*
  - Đào tạo công nhân mới: 18 người, trong đó đào tạo lý thuyết là 36 giờ, đào tạo thực hành đứng máy là 864 giờ.
  - Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân: Không (do tập trung chú trọng công tác trật tự vệ sinh MMTB và chất lượng sản phẩm).
  - Tái đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả CNSX: 48 giờ.
  - Tái đào tạo về ATLĐ & vệ sinh lao động cho tất cả đội ngũ quản lý & nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: 24 giờ.

- *Đào tạo khác:*
- Đào tạo về sử dụng an toàn hóa chất (*theo hệ thống MSDS*), sơ cấp cứu, công tác an toàn PCCC, chính sách về trách nhiệm xã hội BSCI & nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật cho đội ngũ quản lý và kỹ thuật Công ty, quản lý hệ thống chất lượng Công ty.
- Các chương trình phát triển kỹ năng (*đa dạng tay nghề, có thể làm nhiều nghề tùy công nhân đăng ký, nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ*) và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.



*Hình ảnh hoạt động đội cầu lông phong trào của công ty*

### ***Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.***

- Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải trực tiếp vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (*kể cả tại khu lưu trữ*); nghiên cứu áp dụng các công thức nguyên liệu để tăng dần tỷ lệ sử dụng nguyên liệu tái sinh hiệu quả nhằm giảm giá thành.
- Không ngừng cải tiến công nghệ MMTB kỹ thuật trong sản xuất, để giảm thiểu cường độ lao động và an toàn lao động trong sản xuất.
- Ưu tiên giải quyết việc làm tại địa phương, thông tin và vận động CBCNV góp phần giữ gìn ANTT, an toàn giao thông, xây dựng lối sống văn hóa trong quan hệ với dân cư địa phương.
- Tham gia các cuộc vận động từ thiện (*với mức độ khác nhau*): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của các địa phương (*trụ sở và nhà máy*) ủng hộ xây dựng nhà tình thương để ủng hộ chăm lo Tết cho người nghèo; hỗ trợ công đoàn Huyện Đức Hòa Long An: trao học bổng cho con em CB-CNV gia đình khó khăn nhưng vượt khó, xây nhà tình thương ...

## Phần III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024

#### 1) Phân tích tổng quan.

##### a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):

| Chỉ tiêu                | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2023 | % So với Kế hoạch | % So với TH Năm trước |
|-------------------------|---------------|----------------|----------------|-------------------|-----------------------|
| Sản lượng bao bì (tấn)  | 8.323         | 11.586         | 12.363         | 139.20%           | 93.72%                |
| Doanh thu: (triệu đồng) | 303.733       | 433.988        | 551.635        | 142.88%           | 78.67%                |
| Lợi nhuận: (triệu đồng) | 8.000         | 11.903         | (48.776)       | 148.79%           | Tăng nhiều            |

##### b) Kết quả hoạt động năm 2024 (bảng 2):

(Đvt: đồng)

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu                                    | Năm 2023         | Năm 2024        | Tỷ lệ +/-  |
|----|---|------------------|-----------------|------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 567,046,033,540  | 436,556,738,081 | 76.99%     |
| 2  | Các khoản giảm trừ doanh thu                        |                  |                 |            |
| 3  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 567,046,033,540  | 436,556,738,081 | 76.99%     |
| 4  | Giá vốn hàng bán                                    | 580,549,418,480  | 401,792,524,477 | 69.21%     |
| 5  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | (13,503,384,940) | 34,764,213,604  | Tăng nhiều |
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính                       | 7,850,845,217    | 6,676,329,250   | 85.04%     |
| 7  | Chi phí tài chính                                   | 9,692,338,933    | 5,085,831,062   | 52.47%     |
|    | Trong đó: chi phí lãi vay                           | 9,012,117,350    | 4,892,388,070   | 54.29%     |
| 8  | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết |                  |                 |            |
| 9  | Chi phí bán hàng                                    | 14,210,364,486   | 14,306,494,099  | 100.68%    |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 19,936,600,659   | 14,743,065,508  | 73.95%     |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | (49,491,843,801) | 7,305,152,185   | Tăng nhiều |
| 12 | Thu nhập khác                                       | 7,363,010,774    | 4,767,809,737   | 64.75%     |
| 13 | Chi phí khác  | 2,846,298,688    | 169,170,438     | 5.94%      |
| 14 | Lợi nhuận khác                                      | 4,516,712,086    | 4,598,639,299   | 101.81%    |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | (44,975,131,715) | 11,903,791,484  | Tăng nhiều |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 3,800,997,600    | -               | -          |
| 17 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | -                | -               | -          |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | (48,776,129,315) | 11,903,791,484  | Tăng nhiều |
| 19 | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                   | (48,776,129,315) | 11,903,791,484  | Tăng nhiều |
| 20 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát      |                  |                 |            |
| 21 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | (2,166.00)       | 529.00          |            |
| 22 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                          | (2,166.00)       | 529.00          |            |

\*Thuyết minh: (bảng 02)

- ✓ Doanh thu năm 2024 đạt 433,99 tỷ đồng, tương ứng đạt 143% so với kế hoạch, so với cùng kỳ năm trước giảm 117 tỷ, tương ứng giảm 21%.  
Trong đó: sản lượng xuất khẩu giảm 37 tấn, tương ứng giảm 21% so với năm 2023; tuy nhiên sản lượng xuất khẩu so với kế hoạch năm thì đạt 148%.
- ✓ Lợi nhuận năm 2024 lãi 11,90 tỷ đồng, bao gồm:
  - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh: đạt 5,71 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: đạt 1,59 tỷ đồng
  - Lợi nhuận từ HĐ thanh lý Tài sản và MMTB: đạt 4,59 tỷ đồng.

#### Tóm lại:

Trong năm 2024, Hội Đồng Quản Trị đã hỗ trợ Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại sản phẩm, thu gọn hoạt động sản xuất, không dàn trải như các năm trước vì tình hình kinh tế thế giới, cũng như trong nước hiện nay và sắp tới còn nhiều khó khăn, không lường trước được. Công Ty cố gắng hoạt động để duy trì ổn định lao động, không bị lỗ.



## 2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm 2024.

- *Về Marketing:* Trong bối cảnh năm 2024 đầy biến động nhưng bộ phận Kinh doanh đã nỗ lực phát triển thị trường và có thêm một số khách hàng mới tiềm năng như: Công ty Olam, BAF, Emivest, CJ Bột Mì.
- *Về chính sách lao động:* Cơ cấu sắp xếp lại lao động các Bộ phận phòng ban, Phân xưởng theo định hướng chiến lược kinh doanh mới.
- *Về Máy móc thiết bị:* Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

| STT | Nội dung- hạng mục   | Thuộc PX     | Phụ trách thực hiện | Kết quả    | Hiệu quả mang lại  |
|-----|--|--------------|---------------------|------------|--|
| 1   | Sửa chữa VTPT cũ thay ra để tái sử dụng. Siết chặt qui trình cấp phát, sử dụng                         | Toàn nhà máy | PCD, PX             | Hoàn thành | Giảm chi phí VTPT trong định mức                         |
| 2   | Cải tiến hệ thống thiết bị giảm cắt lem biên trắng   | Trắng        | PCD, PX             | Hoàn thành | Giảm tăng suất lem biên, giảm phản ảnh của khách hàng    |
| 3   | Gắn thêm thiết bị Corona, để trắng đạt chất lượng bám dính thì thay đổi công thức trắng – hạ giá thành | Toàn nhà máy | PCD, PX             | Hoàn thành | Giảm giá thành công thức trắng, giảm chi phí             |
| 4.  | Cải tiến cum xoay biên – lồng – cân banh máy lớn bao   | Lộn bao      | PCD, PX             | Hoàn thành | Giảm thiểu phát sinh chất lượng, CN vận hành khoẻ        |
| 5   | Cải tiến hệ thống phát hiện bao lỗi, nhằm chống sót lỗi sau cắt  | Khâu Cắt     | PCD, PX             | Hoàn thành | Giảm tỉ lệ sót lỗi đáng kể, giảm phản ảnh của khách hàng |

## II. Tình hình tài chính

### 1) Tình hình tài sản

- So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2024 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

| TÀI SẢN                               | SỐ DƯ CUỐI Năm 2023    | SỐ DƯ CUỐI Năm 2024    | So Sánh 2024/2023       |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>239,356,462,445</b> | <b>426,641,656,578</b> | <b>187,285,194,133</b>  |
| I.Tiền và các khoản tương đương tiền  | 10,979,746,628         | 7,140,817,316          | (3,838,929,312)         |
| II.Các khoản đầu tư ngắn hạn          | 78,000,000,000         | 118,320,000,000        | 40,320,000,000          |
| III.Các khoản phải thu ngắn hạn       | 84,058,363,650         | 228,198,212,678        | 144,139,849,028         |
| IV.Hàng tồn kho                       | 50,121,240,416         | 59,194,117,692         | 9,072,877,276           |
| V.Tài sản ngắn hạn khác               | 16,197,111,751         | 13,788,508,892         | (2,408,602,859)         |
| <b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>222,554,741,268</b> | <b>57,720,180,906</b>  | <b>-164,834,560,362</b> |
| I.Các khoản phải thu dài hạn          | -                      | 58,666,666             | (58,666,666)            |
| II.Tài sản cố định                    | 211,637,657,872        | 47,944,430,844         | (163,693,227,028)       |
| IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 8,000,347,397          | 8,000,347,397          | -                       |
| V.Tài sản dài hạn khác                | 2,916,735,999          | 1,716,735,999          | (1,200,000,000)         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>461,911,203,713</b> | <b>484,361,837,484</b> | <b>22,450,633,771</b>   |
| <b>A.NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>174,752,762,325</b> | <b>185,299,604,614</b> | <b>10,546,842,289</b>   |
| I.Nợ ngắn hạn                         | 174,752,762,325        | 185,299,604,614        | 10,546,842,289          |
| II.Nợ dài hạn                         | -                      | -                      | -                       |
| <b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>287,158,441,388</b> | <b>299,062,232,870</b> | <b>11,903,791,482</b>   |
| I.Vốn chủ sở hữu                      | 287,158,441,388        | 299,062,232,870        | 11,903,791,482          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>461,911,203,713</b> | <b>484,361,837,484</b> | <b>22,450,633,771</b>   |

**\*Thuyết minh(bảng 3):**

- ✓ Tổng giá trị tài sản đến 31/12/2024 là 484 tỷ đồng so với năm 2023 tăng 22,45 tỷ đồng;  
Trong đó gồm:
  - Tài sản ngắn hạn tăng: 187 tỷ đồng, chủ yếu là nợ phải thu thanh lý tài sản 144 tỷ, các khoản đầu tư tiền gửi tăng 40,32 tỷ đồng so với năm 2023.
  - Tài sản dài hạn giảm: 164 tỷ đồng, chủ yếu là thanh lý tài sản là BĐS, phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị.
- ✓ Tổng nguồn vốn cuối năm 2024 so với năm 2023 tăng: 22,45 tỷ đồng  
Trong đó gồm: Nợ phải trả tăng: 10,54 tỷ đồng và Lợi nhuận năm 2024: 11,9 tỷ đồng;
- ✓ Trong năm 2024: kết quả kinh doanh năm 2023 bị lỗ, Công ty không chi trả cổ tức.  
Cổ phiếu quỹ còn nắm giữ đến 31/12/2024 là: 1.913.940 cổ phiếu, tỷ lệ 7,83% trên tổng số phát hành.

**2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2024 và năm 2023( bảng 4).**

| Chỉ tiêu - chỉ số                             | 2023    | 2024   | Ghi chú +/- % |
|---|---------|--------|---------------|
| <b>Tổng Tài Sản</b>                           |         |        |               |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)             | 51.82%  | 88.08% | Tăng          |
| Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)              | 48.18%  | 11.92% | Giảm          |
| <b>Nợ phải trả</b>                            |         |        |               |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)                | 37.83%  | 38.26% | 0.42%         |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)             | 62.17%  | 61.74% | -0.42%        |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)                | 60.86%  | 61.96% | 1.10%         |
| <b>Tỷ Số Lợi nhuận</b>                        |         |        |               |
| Tỷ Số Lợi nhuậnST/Doanh thu thuần (LN biên)   | -8.60%  | 2.73%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)           | -10.56% | 2.46%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)         | -16.99% | 3.98%  | Tăng nhiều    |
| Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần                  | -19.97% | 4.87%  | Tăng nhiều    |
| <b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>           |         |        |               |
| Tỷ số khả năng thanh toán nhanh               | 1.37    | 2.30   | Tăng          |
| Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt          | 1.08    | 1.98   | Tăng          |
| <b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>            |         |        |               |
| Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn/hàng tồn kho) | 3.93    | 7.99   | Tăng          |
| Doanh thu thuần trên tổng tài sản             | 122.76% | 90.13% | Giảm          |

**\* Thuyết minh : (Bảng 04)**

Tóm lược : Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt lợi nhuận: 11,90 tỷ đồng, gồm chi tiêu như sau:

- Do năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ, Hội đồng quản trị và ban giám đốc quyết định: thu gọn hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh lý máy móc thiết bị cũ không hiệu quả, thanh lý bớt tài sản không sử dụng, làm tăng dòng tiền, khai thác hiệu quả dòng tiền nhàn rỗi, giữ tiết kiệm, giảm chi phí tài chính, kiểm soát chi phí tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí vật tư phụ tùng, tiết kiệm tiêu hao điện, kiểm soát sản phẩm hỏng và phế liệu, tận dụng khai thác sử dụng lại hoặc thanh lý, để giá thành giảm, góp phần giúp hoạt động kinh doanh bán hàng có lời.

**III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2024.**

**a) Về cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất**

- Triển khai thực hiện một số cải tiến quy trình sản xuất, máy móc thiết bị tăng năng suất lao động (kiểm soát phế tại khâu cắt, chuẩn hóa lại việc quy định đánh dấu lỗi tại các công đoạn sản xuất, thực hiện mô hình sản xuất mới tại Khâu sợi, Tráng).
- Cơ cấu sắp xếp lại lao động các Bộ phận phòng ban, Phân xưởng tinh gọn theo định hướng chiến lược kinh doanh mới.
- Thành lập các ban dự án tiết kiệm (kiểm soát và đề ra các giải pháp giảm chi phí sản xuất) theo 04 mục tiêu: Phế, nặng /nhẹ, Điện năng, VTPT ... theo chỉ đạo của HĐQT & BGĐ Công ty.

**b) Về chính sách quản lý**

- Luôn phối hợp với Phòng Công nghệ, sản xuất xác lập quy trình & định mức đối với một số sản phẩm mới một cách kịp thời.
- Tiếp tục triển khai các chính sách khen thưởng sáng kiến cải tiến góp phần cải tiến máy móc thiết bị, quy trình sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng.



*Hình ảnh Lễ Tổng kết năm 2024.*

## **IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **1) Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2025**

Dự báo cho năm 2025, kinh tế thế giới dự kiến sẽ duy trì mức tăng trưởng ổn định khoảng 2,8% đến 3%. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, tiến gần hơn đến mục tiêu ổn định giá. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), lạm phát toàn cầu dự kiến giảm từ 5,8% năm 2024 xuống còn 4,3% năm 2025. Tuy nhiên, các rủi ro như căng thẳng địa chính trị và biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn có thể ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế.

Đối với Việt Nam, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và IMF dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 ở mức từ 6,1% đến 6,6%.

Ngành bao bì nhựa tại Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi sự gia tăng tiêu dùng nội địa, thương mại điện tử và các chính sách thương mại tự do. Theo dự báo, phân khúc bao bì nhựa dự kiến đạt sản lượng 15,09 triệu tấn vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 8,44%.

Tuy nhiên, ngành bao bì nhựa cũng đang đối mặt với áp lực "xanh hóa" và nguy cơ mất đơn hàng vào tay các đối thủ nước ngoài. Việc chuyển đổi sang các sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững đang trở thành yếu tố quan trọng để duy trì và mở rộng thị phần.

Ngoài ra, theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam, sau năm 2025, sẽ không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn và khu du lịch. Điều này đặt ra thách thức cho các doanh nghiệp trong việc điều chỉnh sản phẩm và quy trình sản xuất để tuân thủ các quy định mới.

### **2) Định hướng chung 2025:**

- Đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2025, gồm : tổng SẢN LƯỢNG bao bì 11.305 tấn, tổng DOANH THU bao bì 428,47 tỷ đồng, LỢI NHUẬN sau thuế 8,8 tỷ đồng.
- Xác định và tập trung phát triển các giá trị cốt lõi của Tân Đại Hưng như các sản phẩm chủ lực, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết để củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Linh hoạt trong tiếp thị và cơ cấu sản phẩm, chào giá cạnh tranh, tìm kiếm khách hàng để nhận đủ đơn hàng theo chỉ tiêu kế hoạch, ưu tiên cho xuất khẩu & lựa chọn đơn hàng hiệu quả.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, duy trì bảo dưỡng tốt máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ không hiệu quả nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến quy trình kiểm soát đơn hàng, cải tiến nâng cấp hệ thống quản lý dữ liệu thống kê sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát công nợ bán hàng, điều phối hiệu quả dòng tiền không để phát sinh nợ xấu.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự & đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế thừa.

### 3) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*). Ưu tiên máy sản xuất cho những khách hàng lớn để đáp ứng nhanh những đơn hàng gấp, đột xuất.
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- Tổ chức và gia công đảm bảo tiến độ cung cấp nguyên phụ liệu, gia công đúng kế hoạch.

### 4) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- **Công nghệ:**
  - Tiếp tục cải tiến thông số kỹ thuật sản phẩm làm tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm.
  - Cải tiến công thức và quy trình phối trộn của toàn nhà máy nhằm tăng hiệu quả cả về năng suất và chất lượng.
  - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.
- **Quản lý chất lượng:**
  - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
  - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
  - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
  - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
  - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
  - Cải tiến quy trình bảo trì sửa chữa MMTB toàn nhà máy
  - Triển khai dự án tiết kiệm VTPT thay thế và tái sử dụng các VTPT cũ.
  - Quản lý tốt các thông số kỹ thuật : Tải ,công suất tiêu thụ của thiết bị, hệ số Cos $\psi$ , Độ lệch pha.
  - Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
  - Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB.
  - Chất lượng sau sửa chữa đạt thông số vận hành ban đầu.

### 5) Về sản xuất và gia công:



- Tuân thủ Quy trình sản xuất đã được ban hành .
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h: không được chậm trễ ( huy động tất cả nguồn lực ).
- Tuân thủ việc thực hiện đúng 09 trọng tâm của BPSX :
  - Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng.
  - Giảm lỗi và chống sót lỗi.
  - Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật.
  - Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy.
  - Tiết kiệm điện và nhiên liệu.
  - Giảm phế liệu phế phẩm.
  - Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
  - Thực hiện 5S

## 6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- **Cơ cấu tổ chức & chính sách:** (1) Tiếp tục cơ cấu sắp xếp & tinh giảm lao động tại các Phòng ban /Phân xưởng sản xuất. Xác lập mô hình quản lý mới tại Bộ phận Sản xuất & Phòng Công nghệ & QA. (2) Phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy & bố trí lại mặt bằng các Phân xưởng sao cho hợp lý và thông thoáng. (3) Quy hoạch & thiết kế lại hệ thống kho các Thành phẩm, BTP, VTPT. (4) Cải tiến hệ thống khen thưởng cho các mục tiêu dự án tiết kiệm : Nguyên liệu, VTPT, giảm phế, tiêu thụ điện nước.
- **Tuyển dụng:** Tuyển dụng thay thế các vị trí chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.
- **Đào tạo:** Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý trung gian (cấp TT SX, Quản lý Phân xưởng), đào tạo nâng cao tay nghề công nhân & QA trong việc kiểm soát chất lượng do yêu cầu khách hàng ngày càng đòi hỏi cao về mặt chất lượng.
- **An toàn lao động và Trật tự vệ sinh công nghiệp:** Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động . Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD & công tác tuyên truyền nhắc nhở công nhân. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLĐ-VSCN. Tổ chức quy định lại các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp ở từng khâu, công đoạn sản xuất & cơ chế giám sát đánh giá việc duy trì, thực hiện.
- **An ninh trật tự:** Bố trí thêm camera giám sát an ninh, giám sát hoạt động sản xuất & Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục cải tổ & nâng cấp đội ngũ Bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ. Nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất An ninh trật tự tại công ty. Tăng cường chốt bảo vệ cho Khu lưu trú Công ty.
- **Quản lý hành chính:** Tiếp tục cải tiến hệ thống theo dõi chấm công, kiểm soát hàng hóa ra vào công ty đặc biệt là giám sát chặt chẽ khách đến làm việc & tham quan tại Nhà máy công ty. Xây dựng lại Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể. Đăng ký thư viện pháp luật để thường xuyên cập nhật các thay đổi của quy định Pháp luật.

## 7) Về tài chính kế toán:

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào, quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí
- Tiếp tục duy trì việc quản lý doanh thu, chi phí, kiểm soát chặt hệ thống Kho và các khoản tồn kho lâu nhằm tránh thất thoát và giảm tồn Kho lâu.

## V. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2024 (trong chứng thư bên dưới).

## VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

### 1) Về môi trường:



**Công ty đã và đang chủ động thực hiện :**

- Tiết kiệm điện nước để giảm chi phí hoạt động.
- Gia tăng sử dụng vật liệu tái sinh.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định, được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền.

**2) Về người lao động:**



**Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.**

Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đời sống chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng dần thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2024.

**3) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**



Ban giám đốc đã xây dựng và duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (*tru sở văn phòng và nhà máy*), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về tình hình ANTT, an toàn giao thông, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

## Phần IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

### I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



#### Đánh giá tổng thể:

- *Quản trị và điều hành công ty luôn bám sát thực thi định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh, các bộ phận chức năng đã phát huy tốt vai trò nhiệm vụ.*
- *Đặc biệt trong bối cảnh đầy sóng gió của kinh tế thế giới, tổ chức của công ty vẫn ổn định, hoạt động và quan hệ đúng theo điều lệ qui chế, trong khuôn khổ pháp định.*

- *Phát huy cao tính năng động linh hoạt trong tiếp thị và thay đổi cơ cấu sản phẩm khi khách hàng và thị trường thay đổi.*

*Những yếu tố nêu trên có ý nghĩa quyết định làm cho công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đạt vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024. Có thể nói đây là một kết quả khả quan trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2024 đầy biến động, tài chính lành mạnh; củng cố và phát triển uy tín thương hiệu và thị phần của công ty.*

| TT | Chỉ tiêu               | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | % So với Kế hoạch |
|----|------------------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1  | Sản lượng bao bì (tấn) | 8,323.000     | 11,586         | 139%              |
| 2  | Doanh thu: (tỷ đồng)   | 303.733       | 433.988        | 143%              |
| 3  | Lợi nhuận: (tỷ đồng)   | 8.0000        | 11.903         | 149%              |

#### 1) Hoạt động kinh doanh và cung ứng gia công đầu vào.

- Liên tục tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng, đẩy mạnh tăng thị phần ở khách hàng cũ.
- Hoạt động thông tin 2 chiều với khách hàng tiếp tục được tăng cường, thu thập và phân tích những thông tin về thị phần, giá cả, thị trường, đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả; phản ánh kịp thời mong muốn và yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm để cải tiến và đáp ứng.
- Phối hợp với kế toán tài chính thường xuyên theo dõi công nợ bán hàng, thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng, phối hợp với các bộ phận thống nhất đưa ra các giải pháp tối ưu về sản xuất và lợi nhuận.
- **Đánh giá chung:** *CBNV phòng kinh doanh cung ứng thể hiện năng động và trách nhiệm cao, thực hiện tốt các nhiệm vụ và yêu cầu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024, gắn kết phối hợp hỗ trợ nhiều mặt đối với các bộ phận sản xuất.*

#### • Hoạt động đảm bảo chất lượng.

- **Đảm bảo chất lượng (QA):**
  - Duy trì, tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO, phối hợp tốt giữa nội bộ và bên ngoài nhằm kiểm tra, giám sát hiệu quả việc áp dụng HTQLCL
- **Quản lý và điều hành:**
  - Quản lý QA đã điều hành các hoạt động đảm bảo chất lượng theo đúng thẩm quyền, mục tiêu kế

hoạch được BGD duyệt. Triển khai toàn diện, nghiêm túc các chỉ đạo của BGD.

- Tham mưu các biện pháp khắc phục phòng ngừa và xử lý kịp thời các sự cố chất lượng, tăng cường các hoạt động cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng
- Quyết định đúng đắn, kịp thời trên cơ sở tuân thủ những định hướng và chiến lược thị trường/sản phẩm, chiến lược quản lý điều hành.
- **Đánh giá chung:** đội ngũ CBNV khá ổn định, hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu trong năm 2024, nâng cao ý thức trách nhiệm về chất lượng của bộ máy sản xuất gia công, góp phần giảm phế, tăng sản lượng, đáp ứng thời hạn giao hàng, phòng tránh khiếu nại của khách hàng.

## • Hoạt động Công nghệ, Kỹ thuật cơ điện.

- **Hoạt động kiểm soát sử dụng vật tư kỹ thuật**
  - Kiểm soát tốt qui trình cấp phát
  - Dự trữ được phần lớn vật tư thường xuyên sử dụng
  - Đánh giá và phân loại được vật tư thay thế ra để sửa chữa tái sử dụng
  - Thay đổi nguồn cung cấp vật tư hiệu quả, chất lượng hơn
- **Kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng điện- nước- khí nén.**
  - Bảo trì bảo dưỡng thường xuyên hệ thống các TỤ BÙ của các trạm điện, Đảm bảo hệ  $\text{Cos}\Psi > 0.9$ .
  - Gắn các thiết bị tự động mở theo giờ sử dụng hơi hiệu quả tránh lãng phí

**Đánh giá chung :** đội ngũ CBNV công nghệ kỹ thuật ổn định, đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ và yêu cầu phục vụ sản xuất trong năm 2024, nhất là trong hoạt động kiểm soát phối trộn nguyên liệu, lắp đặt các MMTB mới và cải tiến các thông số kỹ thuật vận hành MMTB, góp phần rất quan trọng nâng cao hiệu quả sản xuất.

## 2) Hoạt động sản xuất và gia công sản xuất.

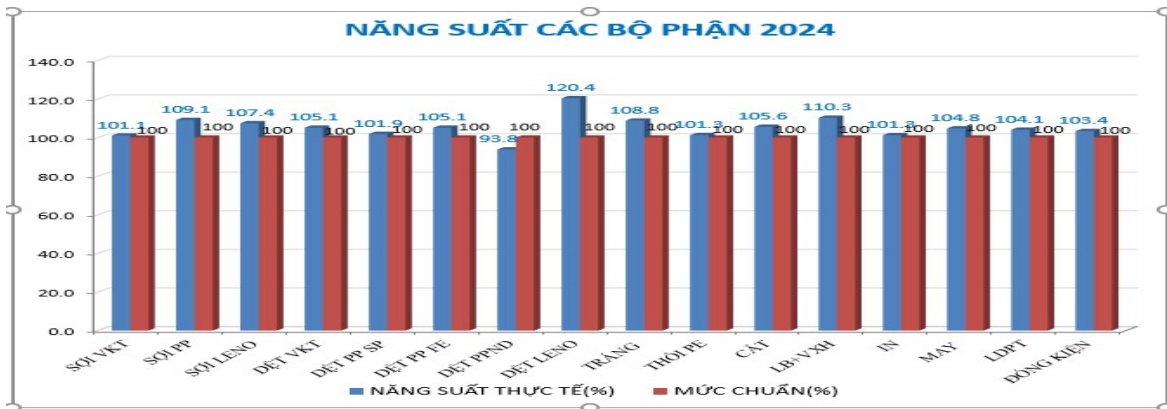
- Chế độ triển khai KHSX tháng và Lệnh sản xuất hàng ngày đến các PXSX được thực thi nghiêm túc, hoạt động điều độ sản xuất nhìn chung là hợp lý theo thứ tự ưu tiên của đơn hàng
- Năm 2024, trong điều kiện khó khăn của kinh tế Thế giới & Việt Nam nhưng hoạt động quản trị sản xuất và gia công đã đạt những kết quả:
  - Bộ phận sản xuất linh động điều tiết sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng và thời gian giao hàng theo yêu cầu của Phòng kinh doanh.
  - Kiểm soát sản lượng, năng suất
  - Kiểm soát trọng lượng nặng nhẹ
  - Giảm phế liệu trong quá trình sản xuất
  - Tiết kiệm Điện, vật tư phụ tùng
  - Giảm lỗi xảy ra trong quá trình và chống sót lỗi trong quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm
  - Duy trì trật tự vệ sinh, an toàn lao động
  - Tỷ lệ phế/thành phẩm được kèm chế, đạt 4,89% (thấp hơn chỉ tiêu cho phép 6%).

**Đánh giá chung:** hoạt động sản xuất gia công, cán bộ nhân viên kế hoạch điều độ và các cán bộ quản lý sản xuất tại các phân xưởng đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu sản xuất năm 2024, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của công ty năm 2024.

## Sản lượng sản xuất 2024



| Sản lượng          | Kế hoạch/năm<br>(cập nhật 11/04/2024) | Kết quả thực hiện | Nhận định                |
|--------------------|---------------------------------------|-------------------|--------------------------|
| Xuất khẩu          | 2,901,000                             | 3,432,107         | Đạt vượt kế hoạch 118.3% |
| Nội địa            | 6,757,000                             | 8,344,982         | Đạt vượt kế hoạch 123.5% |
| Tổng sản lượng(kg) | 9,658,000                             | 11,777,089        | Đạt vượt kế hoạch 121.9% |



### 3) Hoạt động hành chính và nhân lực.

- Nhìn chung công tác tuyển dụng vẫn đảm bảo nhu cầu cầu nhân sự cho sản xuất, tỷ lệ nghỉ việc, biến động nhân sự tăng cao so với năm 2023: Do thiếu hụt đơn hàng, giảm biên chế ở khi cơ cấu sắp xếp lại lao động.
- Thực hiện các chương trình đào tạo cho công nhân mới, ATLĐ, PCCC, nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, chính sách chất lượng được triển khai đầy đủ và nghiêm túc đúng theo nội qui lao động và các qui chế, nhưng một số chương trình đào tạo nâng cao tay nghề công nhân về kiểm soát chất lượng, quản lý cấp trung gian chưa chú trọng trong năm.
- Thực hiện đúng và đủ hệ thống chính sách lao động của công ty, trong đó:
  - Nhà ăn cung cấp 99,973 suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ và không xảy ra lãng phí suất ăn, tuân thủ các quy định quy trình về An toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo nguồn cung cấp thực phẩm & cung cấp đầy đủ suất ăn cho cán bộ công nhân viên.
  - Tình trạng công nhân vi phạm nội quy, quy trình, quy định năm 2024: Giảm so với năm 2023.
- Về lĩnh vực hành chính:
  - Tổ chức lại lực lượng Bảo vệ cho phù hợp với tình hình mới.
  - Số ngày công vắng nghỉ trong năm 2024 giảm nhiều so với năm 2023 (Nghỉ chờ việc, vắng K giảm).
  - Công tác an toàn lao động sự cố về tai nạn lao động ở các phân xưởng không có xảy ra sự cố nào.
  - Công tác vệ sinh công nghiệp được duy trì thực hiện & đưa ra các biện pháp triệt để để khắc các sự cố vải dệt bị dơ loại bỏ do nguyên nhân từ vệ sinh máy móc thiết bị kém, không tuân thủ thực hiện đúng quy định.
  - Quan hệ đối ngoại: Duy trì quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương.

***Đánh giá chung:*** Bộ phận HCNS đã hoàn thành tốt vai trò chức năng nhiệm vụ được giao trong năm 2024, nổi bật là nhóm CBNV hành chính và nhà ăn, hoạt động tuyển dụng đào tạo bổ sung công nhân đạt kết quả tốt.

### 4) Hoạt động tài chính và kế toán.

- **Quản lý nghiệp vụ kế toán:**
    - Kiểm soát chặt chẽ thu chi và thanh toán không xảy ra tình trạng nợ xấu.
    - Quản lý và thường xuyên phân tích nguyên nhân tăng giảm các loại doanh thu, chi phí và có biện pháp xử lý kịp thời.
    - Các báo cáo tài chính và kế toán luôn đúng thời hạn, không có các sai sót trọng yếu.
  - **Quản lý vốn và dòng tiền:**
    - Tình hình tài chính tốt, cân đối thu chi kịp thời. Các khoản chi phí lương, nợ phải trả.. đáp ứng kịp thời tiến độ thanh toán.
  - **Quản lý và sắp xếp kho bãi:**
    - Quản lý kho bãi đã cải tiến và tốt hơn so với năm trước nhưng vẫn cần hoàn thiện và theo dõi sát hơn.
- Đánh giá chung: Phòng TCKT đã hoàn thành các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2024 về hoạt động tài chính và kế toán. Hoàn thành vai trò quản trị hệ thống, kiểm soát thông tin và tham mưu với bộ máy điều hành sản xuất kinh doanh.***

## II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc luôn sâu sát nắm chắc tình hình tổ chức hoạt động chung của công ty cũng như từng bộ phận và phân xưởng.
- Từng cán bộ quản lý đều thể hiện tốt trách nhiệm và tinh thần hợp tác trong các hoạt động vì lợi ích chung của công ty, tôn trọng các chính sách qui chế qui trình làm việc, phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt bộ phận, triển khai và giám sát kiểm tra các hoạt động thuộc trách nhiệm được phân công.
- Trong các hoạt động, chú trọng bàn bạc, tham vấn, tham mưu trong Ban giám đốc và giữa các giám đốc trưởng bộ phận chức năng (*có mở rộng đến các nhân viên nòng cốt khi cần thiết*), từ đó phát huy được vai trò và khả năng của cá nhân; các chủ trương và ý định được xem xét cân nhắc trước khi ra quyết định điều hành nên được cấp dưới và tuyệt đại đa số CBCN có liên quan đồng tình thực hiện.
- Trong tổ chức thực hiện, thể hiện sự năng động, nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo, chịu nghiên cứu học hỏi, biết sử dụng các nguồn lực tiết kiệm và hiệu quả, biết đúc kết kịp thời các kinh nghiệm.

***Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực và hiệu quả hoạt động của Ban giám đốc và các Trưởng bộ phận trong tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam trong năm 2024 vô cùng khó khăn và biến động.***

***Hội đồng quản trị đề nghị Ban giám đốc chú trọng những hoạt động sau đây trong năm 2025:***

1. Tìm nguồn thông tin nghiên cứu áp dụng công nghệ sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm có tính cạnh tranh cao mang đến lợi nhuận cao và các sản phẩm đáp ứng được xu thế thân thiện hơn với môi trường.
2. Thường xuyên đánh giá định vị các sản phẩm chủ yếu để có những giải pháp, biện pháp củng cố các lợi thế cạnh tranh trong các thị trường mục tiêu.
3. Tiếp tục phát triển công ty theo hướng công nghiệp 4.0, tập trung vào đổi mới thiết bị sản xuất, cơ giới và tự động hóa một số công đoạn thủ công, cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin nội bộ qua internet.
4. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xem đây là hai yếu tố cạnh tranh đặc biệt trong giai đoạn tới.
5. Khắc phục những hạn chế tồn tại (*nhất là những vấn đề tuy nhỏ nhưng lặp lại nhiều lần*) của các bộ phận chức năng, tiếp tục cải tiến các giải pháp cải thiện kết quả tuyển dụng đào tạo công nhân.

## III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Dự báo cho năm 2025, kinh tế thế giới dự kiến sẽ duy trì mức tăng trưởng ổn định khoảng 2,8% đến 3%. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, tiến gần hơn đến mục tiêu ổn định giá. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), lạm phát toàn cầu dự kiến giảm từ 5,8% năm 2024 xuống còn 4,3% năm 2025. Tuy nhiên, các rủi ro như căng thẳng địa chính trị và biến động trong chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn có thể ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế.



Đối với Việt Nam, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và IMF dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 ở mức từ 6,1% đến 6,6%.

Tuy nhiên, ngành bao bì nhựa cũng đang đối mặt với áp lực "xanh hóa" và nguy cơ mất đơn hàng vào tay các đối thủ nước ngoài. Việc chuyển đổi sang các sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững đang trở thành yếu tố quan trọng để duy trì và mở rộng thị phần.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2025 phải thách thức với nhiều vấn đề nghiêm trọng, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn.

Tuy nhiên với những lợi thế về năng lực sản xuất và khả năng tài chính, kinh nghiệm quản trị và thương trường, đang có một lượng khách hàng truyền thống tương đối ổn định, thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển bền vững trước những biến động khó lường và cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

***Trong năm 2025, HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động sau đây nhằm nâng cao hơn nữa qui mô và hiệu quả hoạt động của công ty:***

- 1. Có những định hướng, ra quyết định kịp thời về chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của công ty luôn hiệu quả.***
- 2. Chú trọng nắm bắt thông tin, đề cao quản trị rủi ro từ những biến động của thị trường và khách hàng để hạn chế tối đa hệ lụy đến công ty.***
- 3. Mở rộng các quan hệ với các đối tác, tìm cách giới thiệu và hỗ trợ cho Ban giám đốc tìm kiếm và khai thác cơ hội thị trường, trong đó thúc đẩy tiếp thị một số sản phẩm tiềm năng ở thị trường xuất khẩu (Vải địa kỹ thuật, vải phủ nông nghiệp)***
- 4. Tạo điều kiện tiếp cận, nghiên cứu áp dụng một số công nghệ để phát triển sản phẩm mới.***
- 5. Tiếp tục đầu tư đổi mới và tăng thêm các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm lao động, nguyên liệu và năng lượng.***
- 6. Tạo điều kiện cho đào tạo năng lực quản trị, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thúc đẩy việc phát triển đội ngũ kế thừa.***
- 7. Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.***
- 8. Đảm bảo quan hệ cổ đông theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của pháp luật.***

## Phần V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

#### 1) Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 10/03/2025.

| TT | Họ và tên                | Chức Danh         | Ngày bổ nhiệm | Số lượng cp sở hữu cổ phần có biểu quyết | Tỷ lệ % | Ghi Chú           |
|----|--------------------------|-------------------|---------------|--|---------|-------------------|
| 1  | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | CT.HĐQT           | 22/05/2020    | 896,700                                  | 3,67%   | Tái bổ nhiệm      |
| 2  | Ông Phạm Trung Cang      | PCT.HĐQT          | 22/05/2020    | 3,223,220                                | 13,19%  | Tái bổ nhiệm      |
| 3  | Bà Tôn Thị Hồng Minh     | PCT.HĐQT          | 22/05/2020    | 704,000                                  | 2,88%   | Tái bổ nhiệm      |
| 4  | Ông Phạm Văn Mẹo         | PCT.HĐQT          | 22/05/2020    | 55,000                                   | 0,23%   | Tái bổ nhiệm      |
| 5  | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v. HĐQT         | 22/05/2020    | 177,160                                  | 0,73%   | Tái bổ nhiệm      |
| 6  | Ông Trần Hữu Vinh        | T/v. HĐQT         | 22/05/2020    | 3,000                                    | 0,01%   | Từ nhiệm T08/2024 |
| 7  | Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | T/v. HĐQT độc lập | 22/05/2020    | 1,000                                    | 0,004%  | Mới bổ nhiệm      |
| 8  | Ông Huỳnh Minh Việt      | T/v. HĐQT độc lập | 22/05/2020    | -  |         | Mới bổ nhiệm      |
| 9  | Doanh Thúy Oanh          | T/v. HĐQT độc lập | 26/04/2021    | -  |         | Mới bổ nhiệm      |

#### 2) Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội Đồng Quản Trị:



**Bà PHẠM ĐỖ DIỄM HƯƠNG**  
**Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

- Trình độ: Đại học Chapman Hoa Kỳ, ngành Tài chính Marketing.
- 01 năm làm chuyên viên nghiên cứu thị trường & Phát triển khách hàng Cty Phát triển Địa ốc Continental East Development (Hoa Kỳ).
- 01 năm chuyên viên Quản lý Rủi ro ngân hàng ACB.
- Tham gia và là Chủ Tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2013 đến nay.



**Ông PHẠM TRUNG CANG**  
**Phó Chủ tịch HĐQT**

- Trình độ: Đại Học Kinh tế.
- Sáng lập công ty Tân Đại Hưng từ năm 1978.
- Từ 1993-2007: Chủ tịch kiêm TGD công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Là một thành viên sáng lập ngân hàng ACB, tham gia quản trị ACB từ khi thành lập đến 2007.
- Thành viên HĐQT Eximbank từ 2007-2013.
- Từ 2007-2013: Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng
- Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng năm 2017, TGD công ty từ 25/01/2019.



**Bà TÔN THỊ HỒNG MINH**  
**Phó CTHĐQT**

**Phó TGD & GD Kinh Doanh.**

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kinh doanh công ty từ năm 1997.
- Giám đốc kinh doanh công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2000.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay.



**Ông PHẠM VĂN MỆO**  
**Phó CT. HĐQT- TGD**  
*kiêm GD Nhà máy (công ty con: Công ty TNHH TĐH).*

- Trình độ: Trung cấp Hành chính.
- Hoạt động trong ngành bao bì nhựa từ 1983.
- Phó TGD Công ty từ 1993-2019.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



**Bà NGUYỄN THỊ THANH LOAN**  
**Thành viên HĐQT**  
*kiêm GD Tài chính*

- Trình độ: Thạc sĩ ngành TCKT
- 09 năm kế toán tổng hợp công ty Tổng hợp quận 6 TPHCM.
- Làm việc tại phòng TCKT công ty và là Kế toán trưởng từ năm 1993.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ năm 2007 đến nay



**Ông TRẦN HỮU VINH**  
**Thành viên HĐQT**  
*kiêm Giám đốc SX và gia công.*

- Trình độ: Đại học Kinh tế.
- Làm việc tại phòng kế hoạch sản xuất công ty từ năm 1999.
- Giám đốc SX công ty từ năm 2007.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 2007 đến nay.



**Bà DANH THÚY OANH**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kinh tế .
- **2000-2005:** KTTT Công ty TNHH Hào Quang.
- **2006 – 2015:** KT Trưởng Cty CP Xây Dựng Hoàng Ngân .
- **2016 đến nay:** Kinh Doanh Tự do
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 05/2021 đến nay.



**Ông HUỖNH MINH VIỆT**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kinh doanh Quốc tế.
- **2011 - 2012:** NV XNK công ty Yicheng Logistics Việt Nam.
- **2012-2013:** NVKD Cty Muller Partner Việt Nam.
- **2014 đến nay:** TPKD XNK Cty CP Eastwood Energy.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 22/05/2020 đến nay.



**Bà PHẠM THỊ TRÚC NGÂN**  
**Thành viên HĐQT**

- Trình độ: Đại học Kế toán kiểm toán.
- **2008-2017:** KTT công ty CP KD Đại Hưng Thịnh.
- **2018 đến nay:** KTT công ty CP Giải pháp sáng tạo Mekong.
- Tham gia HĐQT công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng từ 22/05/2020 đến nay.

HĐQT công ty không có tiêu ban.

#### **4) Hoạt động của Hội đồng quản trị**



- HĐQT hoạt động đúng theo điều lệ công ty, tập trung vào các lĩnh vực: thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, chiến lược kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, đánh giá tình hình kết quả hoạt động công ty năm 2024 và xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong các quý năm 2024.
- Chủ tịch HĐQT đã ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (*cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS*) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.
- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 26/04/2024 đúng theo luật pháp và điều lệ công ty.
- HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
- Nhận định, dự báo, đánh giá và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
- Quyết định chủ trương sử dụng ngoại tệ, thay đổi đầu tư thêm máy móc thiết bị sản xuất, cải tiến chế độ lương sản phẩm, tăng năng suất lao động, duy trì hệ thống gia công, định mức tồn kho nguyên vật liệu, chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
- Quyết định chính sách và chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích hiệu quả làm việc và thừa nhận thành tích của cán bộ nhân viên và công nhân.
- Thực hiện đầy đủ các qui định về báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền.
- Hội đồng quản trị luôn luôn đồng hành cùng với các hoạt động Công ty như bám sát tình hình sản xuất kinh doanh qua các buổi họp đánh giá hàng tháng và hàng quý của Ban Giám đốc, đưa ra những đánh giá, dự báo, định hướng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty.

***Các cuộc họp hội đồng quản trị trong năm 2024:***

| Stt | Thành viên HĐQT          | Chức Danh | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự        |
|-----|--------------------------|-----------|--------------------------|-------|----------------------------|
| 1   | Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | CT. HĐQT  | 07/07                    | 100%  |                            |
| 2   | Ông Phạm Trung Cang      | PCT. HĐQT | 07/07                    | 100%  |                            |
| 3   | Ông Phạm Văn Mẹo         | PCT. HĐQT | 07/07                    | 100%  |                            |
| 4   | Cô Tôn Thị Hồng Minh     | PCT. HĐQT | 07/07                    | 100%  |                            |
| 5   | Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | T/v.HĐQT  | 07/07                    | 100%  |                            |
| 6   | Ông Trần Hữu Vinh        | T/v.HĐQT  | 04/07                    | 57%   | <i>Từ nhiệm 07/08/2024</i> |
| 7   | Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | T/v.HĐQT  | 07/07                    | 100%  |                            |
| 8   | Ông Huỳnh Minh Việt      | T/v.HĐQT  | 07/07                    | 100%  |                            |
| 9   | Bà Danh Thúy Oanh        | T/v.HĐQT  | 07/07                    | 100%  |                            |

***Các nghị quyết của HĐQT thực hiện trong năm 2024***

| Stt | Số nghị quyết   | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|---|-----------------|
| 1   | 01/NQ.HĐQT.2024 | 29/01/2024 | Sơ lược tình hình và kết quả hoạt động quý 4/2023 và cả năm 2023, thông qua kế hoạch khen thưởng và chính sách chăm lo tết Giáp Thìn , Xác lập chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ tiêu lợi nhuận năm 2024, Xác định các nhiệm vụ trọng tâm quý 01/2024,   | 100%            |
| 2   | 02/NQ.HĐQT.2024 | 27/02/2024 | Thông qua thực hiện các hợp đồng giao dịch, cung cấp dịch vụ hàng hóa với các bên có liên quan trong năm 2024. Chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, Xác định ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại Hội CĐTN, xác định thời gian địa điểm, ngày tổ chức ĐHCĐ  | 100%            |
| 3   | 03/NQ.HĐQT.2024 | 20/03/2024 | Thông qua Chứng thư kiểm toán “ báo cáo tài chính Công ty “mẹ“ và Báo cáo tài Chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công Ty kiểm toán A&C ,Thông qua các văn bản Chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2024, thông qua báo cáo thường niên 2023, các văn bản biểu mẫu và tờ trình và danh mục tài liệu có liên quan đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, Thông qua thư từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Thanh Loan, thôi giữ chức vụ giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng .<br>Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Trinh là Kế toán trưởng Cty CP nhựa tân Đại Hưng | 100%            |
| 4   | 01/NQ.ĐHCĐ.2024 | 26/04/2024 | Tổ chức Đại hội Cổ Đông Thường niên năm 2024, Thông qua Đại hội CĐTN các văn bản: KQHDKD năm 2023, thông qua BC hoạt động và phương hướng hoạt động của HĐQT, BKS Công ty theo luật DN 2020. .... và các văn bản khác có liên quan trong ĐHCĐTN năm 2024.   | 100%            |
| 5   | 04/NQ.HĐQT.2024 | 07/08/2024 | Thông qua kết quả SXKD 6 tháng, phương hướng hoạt động SXKD 06 tháng, thông qua soát xét bán niên BCTC hợp nhất, bởi Cty kiểm toán A&C<br>thông qua giao dịch mua bán với Các Cty liên quan có liên quan với giá trị dưới 20% tổng tài sản  | 100%            |
| 6   | 05/NQ.HĐQT.2024 | 27/11/2024 | Thông qua bổ nhiệm nhân sự, Công bố thư từ nhiệm TGD của Ông Phạm Văn Mẹo, Thông qua điều chỉnh đầu giá Chuyển nhượng BĐS là nhà xưởng, và thuê nhà xưởng 20 năm với giá thuê cố định.  | 100%            |
| 7   | 06/NQ.HĐQT.2024 | 23/12/2024 | Đánh giá tóm lược Kinh doanh 9 tháng,phương hướng SX kinh doanh qui 04 năm 2024 và chuẩn bị Kế hoạch SXKD năm 2025, thông qua việc chuyển nhượng nhà xưởng và thuê nhà xưởng , thông qua hoãn thời gian bổ nhiệm TGD theo NQ số 05.2024 đến khi thông qua Đại Hội Cổ đông thường niên năm 2025  | 100%            |

- HĐQT triển khai nghiêm túc các nghị quyết, quá trình thực hiện có sự phối hợp với ban kiểm soát và sâu sát nắm vững tình hình tổ chức hoạt động của bộ máy điều hành và của các lĩnh vực chức năng, không có gì bất thường xảy ra.
  - 5) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (có 03 thành viên HĐQT độc lập).**
    - Không tham gia vào hoạt động điều hành.
    - Tham gia đầy đủ và nêu Ý kiến tham gia biểu quyết, trong các cuộc họp HĐQT, góp ý kiến vào các hoạt động của HĐQT và của công ty, góp ý vào các văn bản của HĐQT.
  - 6) **Các thành viên HĐQT tham gia đào tạo về quản trị công ty theo qui định.**

## II. Ban Kiểm soát

### 1. Danh sách Thành viên và của Ban Kiểm Soát (BKS) và tỷ lệ sở hữu cổ phần :

| Stt | Thành viên BKS            | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số lượng cp sở hữu cp có quyền biểu quyết | Tỷ lệ % sở hữu cp có quyền biểu quyết |
|-----|---------------------------|------------|--|---|---------------------------------------|
| 1   | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 22/05/2020                               | 2.050                                     | 0.10%                                 |
| 3   | Ông Nguyễn Khánh Luân     | Thành viên | 26/04/2023                               | 0   | 0%                                    |
| 4   | Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên | 22/05/2020                               | 0   | 0%                                    |

### Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm Soát

|  |   |   |
|--|---|---|
|  <p><b>Ông LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA</b><br/><i>Trưởng Ban Kiểm Soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>□ Trình độ: Thạc sĩ.</li><li>□ Làm việc tại phòng TCKT công ty từ năm 1999.</li><li>□ Kế toán trưởng công ty TNHH TĐT từ 2006.</li><li>□ Tham gia Ban kiểm soát từ năm 2007.</li></ul> |  <p><b>Ông NGUYỄN KHÁNH LUÂN</b><br/><i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>□ Trình độ: Cử nhân.</li><li>□ Làm việc tại Cty CP Giải Pháp sáng Tạo Mê Kông</li><li>□ Thành viên Ban kiểm soát từ Tháng 04/2023 đến nay.</li></ul> |  <p><b>Bà LÊ THỊ MINH TRÍ</b><br/><i>Thành viên Ban kiểm soát</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>□ Trình độ: Cao đẳng.</li><li>□ Làm việc tại công ty ĐHP từ năm 2004, phụ trách về kế toán tổng hợp</li><li>□ Thành viên Ban kiểm soát từ 04/2019.</li></ul> |
|--|---|---|

### 2. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024.

#### a. Các buổi họp với HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT           | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|---------------------------|------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | 06/06               | 100%  |                     |
| 2   | Ông Nguyễn Khánh luân     | Thành viên | 06/06               | 100%  |                     |
| 3   | Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên | 06/06               | 100%  |                     |

Trong năm 2024, BKS đã cử các thành viên tham gia đầy đủ 06 buổi họp với các thành viên của HĐQT, bao gồm ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa - Trưởng ban, Ông Nguyễn Khánh Luân và bà Lê Thị Minh Trí - Thành viên.

#### Kết quả các buổi họp với HĐQT :

- HĐQT đã chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty.
- HĐQT đã thực thi các quyết định của năm 2024 và công bố thông tin theo các quy định của luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan..
- BKS đã đề xuất và lựa chọn công ty kiểm toán độc lập. Các báo cáo tài chính bán niên và cả năm đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán A&C.

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày Date  | Nội dung<br><i>Content</i>  | Tỷ lệ thống qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|---|------------|---|---|
| 1       | 01/NQ.HĐQT. 2024  | 29/01/2024 | Thông qua KQKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024/<br><i>Approval 2023 income statement, and business plant for 2024</i>   | 100%                                    |
| 2       | 02/NQ.HĐQT. 2024  | 27/02/2024 | Thông qua thực hiện các hợp đồng giao dịch, cung cấp dịch vụ hàng hóa với các bên có liên quan trong năm 2024, ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự Đại hội cổ đông năm 2024/<br><i>Approval transaction provide goods and services with related parties in 2024, record date for AGM 2024</i>  | 100%                                    |
| 3       | 03/NQ.HĐQT. 2024  | 20/03/2024 | Thông qua báo cáo kiểm toán năm 2023, tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2024, thông qua báo cáo thường niên 2023, bổ nhiệm kế toán trưởng./<br><i>Approval the Audited financial statements of 2023, the documents of the 2024 AGM, 2023 Annual report, appointments of chief accountant</i>   | 100%                                    |
| 4       | 04/NQ.HĐQT. 2024  | 07/08/2024 | Thông qua báo cáo soát xét bán niên 2024, kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm, giao dịch mua bán với Các Cty liên quan có liên quan với giá trị dưới 20% tổng tài sản/<br><i>Approval semi-annual audited financial statements of 2024, last 6 month business plant, transactions related companies with value below 20% of total assets</i> | 100%                                    |
| 5       | 05/NQ.HĐQT. 2024  | 27/11/2024 | Thông qua bổ nhiệm nhân sự TGD, điều chỉnh giá chuyển nhượng nhà xưởng./<br><i>Approval appointments of CEO, adjustment price of factory transaction</i>  | 100%                                    |
| 6       | 06/NQ.HĐQT. 2024  | 23/12/2024 | Thông qua KQKD 9 tháng, kế hoạch kinh doanh quý 04 năm 2024 và năm 2025, thông qua việc chuyển nhượng nhà xưởng, hoãn quyết định bổ nhiệm TGD /<br><i>Approval the 9-month income statement, prepare the business plant for the fourth quarter of 2024 and 2025, approving the factory transaction, postpone the appointment of CEO.</i>      | 100%                                    |

**b. Các buổi họp với BGD:**

Ban kiểm soát đã cử 01 thành viên tham gia các buổi họp với Ban giám đốc (BGĐ) để báo cáo tình hình kiểm soát và đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho BGD. Những buổi họp này được tổ chức định kỳ hàng tháng trong năm 2024.

**Kết quả các cuộc họp với BGD :**

- Ban kiểm soát đã trình bày các kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình tài chính, nội bộ và hoạt động của doanh nghiệp đối với BGD.
- BKS theo dõi và đánh giá hoạt động của BGD, đảm bảo các quyết định và hành động của BGD đúng theo mục tiêu và chiến lược của công ty. BKS giám sát việc thực hiện các chính sách, quy trình và quy định của công ty bởi BGD.
- Ban kiểm soát cùng thảo luận với BGD về những vấn đề, khó khăn trong quá trình kiểm soát và đưa ra các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao chất lượng kiểm soát và đảm bảo hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**c. Hoạt động giám sát của BKS đối với cổ đông:**

- BKS theo dõi các hoạt động của cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và các quy định của công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính từng quý, xem xét tính hợp lý, hợp pháp các quy trình, qui chế nội bộ của Công ty
- Kiểm tra và đánh giá các báo cáo tài chính, đề xuất các biện pháp cải thiện hoạt động của công ty, để thông qua đó đảm bảo sự minh bạch và trung thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với các cổ đông.

**d. Đánh giá báo cáo sơ kết, báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán:**

- Báo cáo tài chính trước khi được kiểm toán đã thể hiện quá trình lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời và không có sai sót trọng yếu so với báo cáo sau khi kiểm toán.
- Báo cáo tài chính sau khi được kiểm toán đã được đánh giá tính đúng đắn, trung thực và hợp lý bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán A&C.
- Ban kiểm soát đã đánh giá tính đầy đủ, chính xác, trung thực của thông tin trong báo cáo, xác định các vấn đề cần giải quyết, đưa ra các khuyến nghị và kiến nghị phù hợp cho Ban giám đốc và Hội đồng quản trị.

**e. Đánh giá chung hoạt động của BKS :**

- BKS đã đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của thông tin tài chính.

- BKS đã độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- BKS đánh giá cao HĐQT và BGĐ Cty, đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của BKS:**

- Năm 2024, BKS không nhận thù lao theo đề nghị và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.
- Không có Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
- Không có Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

### **4. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025**

- Tham gia theo định kỳ hàng tháng về việc thực hiện các hoạt động giám sát và kiểm tra tại các phòng ban, đơn vị trong công ty để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và các quy trình nội bộ của công ty.
- Tham gia theo định kỳ hàng quý các cuộc họp với HĐQT và Ban giám đốc để bàn bạc, đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm cải thiện hoạt động, tăng cường sự minh bạch và tránh rủi ro
- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính tháng, quý, 06 tháng và cả năm của công ty để đảm bảo tính chính xác và minh bạch.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư theo đúng quy định.
- Thực hiện các công tác khác.

## **III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**1) Năm 2024, HĐQT và BKS đều không nhận thù lao theo đề nghị và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.**

### **2) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:**

Trong năm 2024, có giao dịch của Ông Trần Hữu Vinh, thành viên HĐQT đã từ nhiệm (ngày 7/8/2024) với số lượng giao dịch bán là 4000 cp. Số lượng cổ phiếu sau khi giao dịch còn lại là 3000 cp (chiếm 0,01%/số lượng cp phát hành).

### **3) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Trong năm 2024, có phát sinh giao dịch với công ty mà người có liên quan là Giám đốc có liên quan thành viên HĐQT về việc chuyển nhượng nhà xưởng với tổng trị giá 144 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế).

### **4) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- HĐQT và BGĐ Cty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị Cty.
- Các biên bản, quyết định, nghị quyết do HĐQT được lập đúng theo quy định, thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của công ty.
- HĐQT phân công người duy trì quan hệ với Sở Giao dịch chứng khoán, thường xuyên trao đổi thông tin và tham vấn khi cần thiết, cử người tham dự các cuộc họp và các khóa học, thực hiện đúng và đủ chế độ báo cáo đến Sở GDCK TPHCM và UBCKNN.

## **Phần VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2024**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 4       |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 5 - 8   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 9       |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024           | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024    | 12 - 30 |
| 8. Phụ lục   | 31 - 33 |

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 6 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

#### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 39 737 277 - 39 737 278
- Fax : +84 (028) 39 737 279 - 39 737 276

#### Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b);
- Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET ; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nông lâm nghiệp;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy: đập và đê.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên                | Chức vụ                  | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương    | Chủ tịch                 | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Ông Phạm Trung Cang      | Phó Chủ tịch thường trực | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Ông Phạm Văn Mẹo         | Phó Chủ tịch             | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh     | Phó Chủ tịch             | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân    | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Ông Huỳnh Minh Việt      | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020   |
| Bà Danh Thúy Oanh        | Thành viên               | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021   |
| Ông Trần Hữu Vinh        | Thành viên               | Miễn nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2024 |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên                 | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|---------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Lê Thị Minh Trí        | Ủy viên    | Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Khánh Luân     | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023     |

#### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm            |
|----------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Phạm Văn Mẹo     | Tổng Giám đốc     | Ngày 22 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 27 tháng 4 năm 2016 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Theo Nghị quyết số 05/NQ.HĐQT.2024 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ông Phan Minh Tâm đã được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc. Tuy nhiên, ngày 23 tháng 12 năm 2024 Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 06/NQ.HĐQT.2024 thống nhất gia hạn quyết định bổ nhiệm ông Phan Minh Tâm làm Tổng Giám đốc đến sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua và Ông Phạm Văn Mẹo vẫn giữ chức vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Mẹo – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020).

Ông Phạm Văn Mẹo đã ủy quyền cho Bà Tôn Thị Hồng Minh – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/2020/UQ-TDHH ngày 23 tháng 6 năm 2020.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Tôn Thị Hồng Minh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 13 tháng 3 năm 2025



# A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn  
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0355/25/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Hoàng Thái Vương**

**Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

**Phan Vũ Công Bá**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>420.039.889.919</b> | <b>239.356.462.445</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>7.350.817.316</b>   | <b>10.979.746.628</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 7.140.817.316          | 6.979.746.628          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 210.000.000            | 4.000.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>118.110.000.000</b> | <b>78.000.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 118.110.000.000        | 78.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>228.667.057.827</b> | <b>84.058.363.650</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 223.877.094.848        | 80.653.025.486         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 448.091.006            | 98.091.006             |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 4.341.871.973          | 3.307.247.158          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                      | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>59.194.117.692</b>  | <b>50.121.240.416</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 59.194.117.692         | 50.121.240.416         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>6.717.897.084</b>   | <b>16.197.111.751</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 454.733.686            | 216.578.021            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 5.747.558.169          | 15.922.081.547         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | 515.605.229            | 58.452.183             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>64.720.180.906</b>  | <b>222.554.741.268</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>47.944.430.844</b>  | <b>211.637.657.872</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 47.944.430.844         | 182.279.657.872        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 196.914.355.187        | 335.731.950.658        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (148.969.924.343)      | (153.452.292.786)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | -                      | 29.358.000.000         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 164.800.000            | 33.364.800.000         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (164.800.000)          | (4.006.800.000)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>8.000.347.397</b>   | <b>8.000.347.397</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 347.397                | 347.397                |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2a        | 8.000.000.000          | 8.000.000.000          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>8.775.402.665</b>   | <b>2.916.735.999</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 8.775.402.665          | 2.916.735.999          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        | V.10        | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>484.760.070.825</b> | <b>461.911.203.713</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>185.697.837.953</b> | <b>174.752.762.325</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>185.697.837.953</b> | <b>174.752.762.325</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 27.923.998.178         | 36.338.841.014         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 469.445.149            | 131.932.880            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 41.378.192             | -                      |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.14        | 12.137.606.866         | 9.811.087.827          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 1.734.670.058          | 1.033.739.479          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16        | 2.872.973.300          | 3.605.140.235          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.17        | 140.517.766.210        | 123.832.020.890        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

S-C  
 TY  
 HỮU  
 TƯ  
 C  
 30

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>299.062.232.872</b> | <b>287.158.441.388</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>299.062.232.872</b> | <b>287.158.441.388</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18        | 244.305.960.000        | 244.305.960.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 244.305.960.000        | 244.305.960.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.18        | 82.683.222.451         | 82.683.222.451         |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.18        | (24.593.180.860)       | (24.593.180.860)       |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.18        | (3.333.768.719)        | (15.237.560.203)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | (15.237.560.203)       | (15.237.560.203)       |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 11.903.791.484         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>484.760.070.825</b> | <b>461.911.203.713</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025



Hồ Nhật Minh  
Người lập



Nguyễn Văn Trinh  
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh  
Phó Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Số tiền               |                         |
|--|-------|-------------|-----------------------|-------------------------|
|  |       |             | Năm nay               | Năm trước               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 436.556.738.081       | 567.046.033.540         |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                     | -                       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 436.556.738.081       | 567.046.033.540         |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 401.792.524.477       | 580.549.418.467         |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 34.764.213.604        | (13.503.384.927)        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 6.676.329.250         | 7.850.845.217           |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 5.085.831.062         | 9.692.338.933           |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 4.892.388.070         | 9.012.117.350           |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                     | -                       |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 14.306.494.099        | 14.210.364.499          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 14.743.065.508        | 19.936.600.659          |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 7.305.152.185         | (49.491.843.801)        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 4.650.975.291         | 7.363.010.774           |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 52.335.992            | 2.846.298.688           |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 4.598.639.299         | 4.516.712.086           |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 11.903.791.484        | (44.975.131.715)        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.13        | -                     | 3.800.997.600           |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | -                     | -                       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>11.903.791.484</u> | <u>(48.776.129.315)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>11.903.791.484</u> | <u>(48.776.129.315)</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                     | -                       |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9a       | <u>529</u>            | <u>(2.166)</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9a       | <u>529</u>            | <u>(2.166)</u>          |



TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

Hồ Nhật Minh  
Người lập

Nguyễn Văn Trinh  
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh  
Phó Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh        | Năm nay                 | Năm trước              |
|--|-----------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                    |                         |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                    | 11.903.791.484          | (44.975.131.715)       |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |                    |                         |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.8, V.9           | 18.741.704.899          | 18.105.144.847         |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                    | -                       | -                      |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.3, VI.4         | (191.166.614)           | 87.658.226             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3, VI.7         | (10.550.339.541)        | (7.531.403.509)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4               | 4.892.388.070           | 9.012.117.350          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                    | -                       | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                    | 24.796.378.298          | (25.301.614.801)       |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                    | 13.574.262.267          | (14.643.319.740)       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                    | (9.072.877.276)         | 195.434.121.951        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                    | 13.230.425.308          | (31.461.997.893)       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                    | (6.096.822.331)         | 1.330.890.141          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                    | -                       | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        | V.15, VI.4         | (4.850.288.070)         | (9.252.817.350)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.13               | (500.000.000)           | (7.399.952.199)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                    | -                       | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |                    | -                       | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                    | <b>31.081.078.196</b>   | <b>108.705.310.109</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                    |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.8, V.11          | (18.983.195.000)        | (36.203.759.546)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | V.3, V.8, V.9 VI.7 | 2.934.545.453           | 319.775.793            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2a               | (52.806.310.700)        | (39.813.749.452)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        | V.2a               | 12.696.310.700          | 72.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                    | -                       | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                    | -                       | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.5, VI.3          | 4.829.291.435           | 8.345.961.969          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                    | <b>(51.329.358.112)</b> | <b>4.648.228.764</b>   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước                |
|--|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                        |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                        |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                        |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.17        | 436.875.335.685        | 422.865.129.272          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.17        | (420.397.598.531)      | (536.934.773.276)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                      | -                        |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                      | -                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>16.477.737.154</b>  | <b>(114.069.644.004)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(3.770.542.762)</b> | <b>(716.105.131)</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>10.979.746.628</b>  | <b>11.653.619.367</b>    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 141.613.450            | 42.232.392               |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>7.350.817.316</b>   | <b>10.979.746.628</b>    |

Hồ Nhật Minh  
Người lập

Nguyễn Văn Trinh  
Kế toán trưởng



Tôn Thị Hồng Minh  
Phó Tổng Giám đốc

149  
CÔNG  
NHIỆM  
TÂN V  
&  
TP.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b); Mua bán bao bì nhựa PP, PE, PET; mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay của Tập đoàn giảm nhẹ so với năm trước do thị trường xuất khẩu sang châu Âu vẫn còn gặp khó khăn. Tuy nhiên, giá vốn năm nay giảm nhiều so với năm trước do giá nhập kho giảm, đồng thời năm nay Công ty đã nhượng bán tài sản cố định (nhà xưởng và quyền sử dụng đất) cho Công ty TNHH Đại Hưng (là bên liên quan) với số tiền là 144.000.000.000 VND làm cho kết quả hoạt động kinh doanh năm nay của Tập đoàn có lãi.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TĐH có trụ sở chính tại C11 - C15, Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các sản phẩm bao bì nhựa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của Năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 361 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 419 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung và những chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới*

Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới bao gồm các chi phí phát sinh cho việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 34       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 12       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 – 10       |

## 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (34 năm 03 tháng).



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|--|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt   | 1.356.609.392        | 531.534.818           |
| Tiền gửi ngân hàng   | 5.784.207.924        | 6.448.211.810         |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) | 210.000.000          | 4.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>  | <b>7.350.817.316</b> | <b>10.979.746.628</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                        | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm            |                       |
|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                        | Giá gốc                | Giá trị ghi sổ         | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        |
| <b>Ngắn hạn</b>        |                        |                        |                       |                       |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 118.110.000.000        | 118.110.000.000        | 78.000.000.000        | 78.000.000.000        |
| <b>Dài hạn</b>         |                        |                        |                       |                       |
| Trái phiếu             | 8.000.000.000          | 8.000.000.000          | 8.000.000.000         | 8.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>            | <b>126.110.000.000</b> | <b>126.110.000.000</b> | <b>86.000.000.000</b> | <b>86.000.000.000</b> |

(\*) Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm trị giá là 113.100.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.17).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Số cuối năm    |          | Số đầu năm     |          |
|--|----------------|----------|----------------|----------|
|  | Giá gốc        | Dự phòng | Giá gốc        | Dự phòng |
| Ngân hàng TMCP Á Châu                  | 198.949        | -        | 198.949        | -        |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 148.448        | -        | 148.448        | -        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>347.397</b> | <b>-</b> | <b>347.397</b> | <b>-</b> |

*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | Số cuối năm            |          | Số đầu năm            |          |
|---|------------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>           | <b>155.560.200.000</b> | <b>-</b> | <b>-</b>              | <b>-</b> |
| Công ty TNHH Đại Hưng                   | 155.560.200.000        | -        | -                     | -        |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>     | <b>68.316.894.848</b>  | <b>-</b> | <b>80.653.025.486</b> | <b>-</b> |
| Top Road Import and Export Opc          | 17.465.597.727         | -        | 12.346.108.954        | -        |
| Nordic Way Group AS                     | 4.032.272.790          | -        | 3.365.937.373         | -        |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Eco Thái Mỹ | 2.066.983.000          | -        | 29.673.500.000        | -        |
| Các khách hàng khác                     | 44.752.041.331         | -        | 35.267.479.159        | -        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>223.877.094.848</b> | <b>-</b> | <b>80.653.025.486</b> | <b>-</b> |

Khoản phải thu thanh lý tài sản cố định với số tiền là 146.727.272.727 VND (chưa bao gồm thuế GTGT).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm        |          | Số đầu năm        |          |
|--|--------------------|----------|-------------------|----------|
|  | Giá gốc            | Dự phòng | Giá gốc           | Dự phòng |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Trường Sinh                    | 38.000.000         | -        | 38.000.000        | -        |
| Công ty TNHH Chế tạo máy Tân Phú Chung – trả trước mua sắm tài sản cố định | 380.000.000        | -        | -                 | -        |
| Các nhà cung cấp khác  | 30.091.006         | -        | 60.091.006        | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>448.091.006</b> | <b>-</b> | <b>98.091.006</b> | <b>-</b> |

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                  | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                  | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn    | 3.215.952.055        | -        | 2.115.200.000        | -        |
| Tạm ứng                          | 662.000.000          | -        | 941.300.000          | -        |
| Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn         | 221.000.000          | -        | 221.000.000          | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 242.919.918          | -        | 29.747.158           | -        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.341.871.973</b> | <b>-</b> | <b>3.307.247.158</b> | <b>-</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 31.929.379.644        | -        | 25.636.127.153        | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 16.947.347.142        | -        | 16.184.504.632        | -        |
| Thành phẩm                           | 10.317.390.906        | -        | 8.130.451.658         | -        |
| Hàng hóa                             | -                     | -        | 170.156.973           | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>59.194.117.692</b> | <b>-</b> | <b>50.121.240.416</b> | <b>-</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ                            | 58.666.666                  | -                           |
| Chi phí sửa chữa                            | 7.000.000.000               | -                           |
| Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới | 1.716.735.999               | 2.916.735.999               |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>8.775.402.665</u></b> | <b><u>2.916.735.999</u></b> |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|  | <u>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận<br/>tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>                   |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                                   |                                |  |                                      |                               |
| Số đầu năm                               | 132.649.990.126                   | 183.234.392.116                | 19.503.490.584                             | 344.077.832                          | 335.731.950.658               |
| Mua trong năm                            | -                                 | 90.000.000                     | -  | -                                    | 90.000.000                    |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (128.198.834.446)                 | (2.646.822.702)                | (8.061.938.323)                            | -                                    | (138.907.595.471)             |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b><u>4.451.155.680</u></b>       | <b><u>180.677.569.414</u></b>  | <b><u>11.441.552.261</u></b>               | <b><u>344.077.832</u></b>            | <b><u>196.914.355.187</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                   |                                |  |                                      |                               |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 4.451.155.680                     | 57.998.411.061                 | 5.231.812.499                              | 344.077.832                          | 68.025.457.072                |
| Chờ thanh lý                             | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                             |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                                   |                                |  |                                      |                               |
| Số đầu năm                               | 12.995.155.680                    | 124.042.326.991                | 16.070.732.283                             | 344.077.832                          | 153.452.292.786               |
| Khấu hao trong năm                       | 3.936.000.000                     | 12.571.955.537                 | 1.273.749.362                              | -                                    | 17.781.704.899                |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (12.480.000.000)                  | (2.646.822.702)                | (7.137.250.640)                            | -                                    | (22.264.073.342)              |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b><u>4.451.155.680</u></b>       | <b><u>133.967.459.826</u></b>  | <b><u>10.207.231.005</u></b>               | <b><u>344.077.832</u></b>            | <b><u>148.969.924.343</u></b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                                   |                                |  |                                      |                               |
| Số đầu năm                               | 119.654.834.446                   | 59.192.065.125                 | 3.432.758.301                              | -                                    | 182.279.657.872               |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b><u>-</u></b>                   | <b><u>46.710.109.588</u></b>   | <b><u>1.234.321.256</u></b>                | <b><u>-</u></b>                      | <b><u>47.944.430.844</u></b>  |
| <i>Trong đó:</i>                         |                                   |                                |  |                                      |                               |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                             |
| Đang chờ thanh lý                        | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                             |

**9. Tài sản cố định vô hình**

|  | <u>Quyền<br/>sử dụng đất</u> | <u>Chương trình<br/>phần mềm<br/>máy tính</u> | <u>Cộng</u>               |
|--|------------------------------|---|---------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                              |   |                           |
| Số đầu năm                               | 33.200.000.000               | 164.800.000                                   | 33.364.800.000            |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (33.200.000.000)             | -   | (33.200.000.000)          |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b><u>-</u></b>              | <b><u>164.800.000</u></b>                     | <b><u>164.800.000</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                         |                              |   |                           |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | -                            | 164.800.000                                   | 164.800.000               |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                              |   |                           |
| Số đầu năm                               | 3.842.000.000                | 164.800.000                                   | 4.006.800.000             |
| Khấu hao trong năm                       | 960.000.000                  | -   | 960.000.000               |
| Thanh lý, nhượng bán                     | (4.802.000.000)              | -   | (4.802.000.000)           |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b><u>-</u></b>              | <b><u>164.800.000</u></b>                     | <b><u>164.800.000</u></b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

|                        | Quyền<br>sử dụng đất | Chương trình<br>phần mềm<br>máy tính | Cộng           |
|------------------------|----------------------|--------------------------------------|----------------|
| <b>Giá trị còn lại</b> |                      |                                      |                |
| Số đầu năm             | 29.358.000.000       | -                                    | 29.358.000.000 |
| <b>Số cuối năm</b>     | -                    | -                                    | -              |
| <i>Trong đó:</i>       |                      |                                      |                |
| Tạm thời không sử dụng | -                    | -                                    | -              |
| Đang chờ thanh lý      | -                    | -                                    | -              |

**10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2023 với số tiền là 49.393.346.952 VND. Chi tiết như sau:

|                                   |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng | 20.871.096.196        |
| Công ty TNHH TĐH                  | 28.522.250.756        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>49.393.346.952</b> |

Số lỗ tính thuế của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 6 năm 2024.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Khánh Khoa – Long An – phải trả về mua sắm tài sản cố định | -                     | 18.513.195.000        |
| Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina   | 3.991.680.000         | -                     |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An  | 2.243.584.750         | 3.738.465.225         |
| Công ty TNHH Thương mại Nhựa Huy Hoàng – Long An   | 2.449.440.000         | 1.258.740.000         |
| Công ty TNHH Xây dựng Nhật Duy   | 2.268.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Tân Việt Sinh – Chi nhánh 1                            | 1.548.866.000         | 2.008.831.000         |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức  | 1.595.436.890         | 1.397.108.361         |
| Các nhà cung cấp khác  | 13.826.990.538        | 9.422.501.428         |
| <b>Cộng</b>  | <b>27.923.998.178</b> | <b>36.338.841.014</b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--|--------------------|--------------------|
| X-Service                              | 351.611.224        | -                  |
| Papier-Mettler KG                      | 54.180.675         | -                  |
| Shanghai NewStep International Co.,Ltd | 48.053.250         | -                  |
| Các khách hàng khác                    | 15.600.000         | 131.932.880        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>469.445.149</b> | <b>131.932.880</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm |                   | Số phát sinh trong năm |                         | Số cuối năm       |                    |
|----------------------------|------------|-------------------|------------------------|-------------------------|-------------------|--------------------|
|                            | Phải nộp   | Phải thu          | Số phải nộp            | Số đã thực nộp          | Phải nộp          | Phải thu           |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | -          | -                 | -                      | -                       | -                 | -                  |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -          | -                 | 9.985.140.639          | (9.985.140.639)         | -                 | -                  |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -          | -                 | 20.064.654             | (20.064.654)            | -                 | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -          | 15.605.229        | -                      | (500.000.000)           | -                 | 515.605.229        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -          | 42.846.954        | 1.039.092.078          | (954.866.932)           | 41.378.192        | -                  |
| Các loại thuế khác         | -          | -                 | 6.000.000              | (6.000.000)             | -                 | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>-</b>   | <b>58.452.183</b> | <b>11.050.297.371</b>  | <b>(11.466.072.225)</b> | <b>41.378.192</b> | <b>515.605.229</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| - Hàng hóa xuất khẩu           | 0%  |
| - Hàng hóa tiêu thụ trong nước | 10% |

Năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các công ty trong Tập đoàn không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2024 còn phải trả.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                    | 113.300.000          | 71.200.000           |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 1.621.370.058        | 962.539.479          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.734.670.058</b> | <b>1.033.739.479</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Kinh phí công đoàn           | 1.392.730.340               | 1.994.461.875               |
| Cổ tức phải trả  | 1.437.786.960               | 1.440.021.360               |
| Trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô | -                           | 149.500.000                 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                               | 42.456.000                  | 21.157.000                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>2.872.973.300</u></b> | <b><u>3.605.140.235</u></b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)                  | 46.929.411.710                | 13.733.349.390                |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh (ii) | 54.009.214.500                | 56.717.146.500                |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iii)        | 39.579.140.000                | 53.381.525.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>140.517.766.210</u></b> | <b><u>123.832.020.890</u></b> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 06 tháng một lần theo biểu lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh của các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                       | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm            | 123.832.020.890               | 237.918.640.604               |
| Số tiền vay phát sinh | 436.875.335.685               | 422.865.129.272               |
| Số tiền vay đã trả    | (420.397.598.531)             | (536.934.773.276)             |
| Chênh lệch tỷ giá     | 208.008.166                   | (16.975.710)                  |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b><u>140.517.766.210</u></b> | <b><u>123.832.020.890</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay đến hạn và không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần  | Cổ phiếu quỹ            | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 244.305.960.000        | 82.683.222.451        | (24.593.180.860)        | 33.538.569.112                    | 335.934.570.703        |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                      | -                     | -                       | (48.776.129.315)                  | (48.776.129.315)       |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>244.305.960.000</b> | <b>82.683.222.451</b> | <b>(24.593.180.860)</b> | <b>(15.237.560.203)</b>           | <b>287.158.441.388</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 244.305.960.000        | 82.683.222.451        | (24.593.180.860)        | (15.237.560.203)                  | 287.158.441.388        |
| Lợi nhuận trong năm nay     | -                      | -                     | -                       | 11.903.791.484                    | 11.903.791.484         |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>244.305.960.000</b> | <b>82.683.222.451</b> | <b>(24.593.180.860)</b> | <b>(3.333.768.719)</b>            | <b>299.062.232.872</b> |

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                     | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Lê Thị Mỹ Hạnh   | 33.825.900.000         | 33.825.900.000         |
| Ông Phạm Trung Cang | 32.232.200.000         | 32.232.200.000         |
| Các cổ đông khác    | 159.111.460.000        | 159.111.460.000        |
| Cổ phiếu quỹ        | 19.136.400.000         | 19.136.400.000         |
| <b>Cộng</b>         | <b>244.305.960.000</b> | <b>244.305.960.000</b> |

**18c. Cổ phiếu**

|  | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 24.430.596  | 24.430.596  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.430.596  | 24.430.596  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 24.430.596  | 24.430.596  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (1.913.640) | (1.913.640) |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | (1.913.640) | (1.913.640) |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 22.516.956  | 22.516.956  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 22.516.956  | 22.516.956  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -           | -           |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ các loại**

|                 | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 46.639,30   | 132.083,77 |
| Euro (EUR)      | 20,87       | 20,87      |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|   | Năm nay                | Năm trước              |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa, nguyên vật liệu | 17.623.306.171         | 20.043.938.212         |
| Doanh thu bán thành phẩm                | 418.901.495.810        | 546.991.544.368        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ              | 31.936.100             | 10.550.960             |
| <b>Cộng</b>                             | <b>436.556.738.081</b> | <b>567.046.033.540</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (năm trước, chỉ phát sinh giao dịch bán thành phẩm với Công ty TNHH Đại Hưng với số tiền là 5.442.468.433 VND).

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã bán | 327.463.920                   | 92.185.890.412                |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán                | 401.450.908.697               | 488.353.374.766               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp              | 14.151.860                    | 10.153.289                    |
| <b>Cộng</b>                                  | <b><u>401.792.524.477</u></b> | <b><u>580.549.418.467</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 5.398.540.490               | 7.211.627.716               |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 3.664.971                   | 15.519.854                  |
| Lãi đầu tư trái phiếu   | 531.500.000                 | -                           |
| Cổ tức được chia  | 3.000                       | 3.000                       |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 551.454.175                 | 598.937.147                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 191.166.614                 | 24.757.500                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>6.676.329.250</u></b> | <b><u>7.850.845.217</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 4.892.388.070               | 9.012.117.350               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 193.442.992                 | 567.805.857                 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                           | 112.415.726                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>5.085.831.062</u></b> | <b><u>9.692.338.933</u></b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 304.962.658                  | 309.426.058                  |
| Chi phí vận chuyển               | 34.000.000                   | 11.734.726.417               |
| Chi phí hoa hồng môi giới        | 12.558.372.161               | 183.665.820                  |
| Các chi phí khác                 | 1.409.159.280                | 1.982.546.204                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>14.306.494.099</u></b> | <b><u>14.210.364.499</u></b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 11.306.958.508               | 15.294.053.454               |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 298.242.512                  | 267.210.981                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 718.786.709                  | 1.362.126.578                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 588.819.843                  | 672.380.449                  |
| Các chi phí khác                 | 1.830.257.936                | 2.340.829.197                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>14.743.065.508</u></b> | <b><u>19.936.600.659</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

|                              | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 4.620.296.051               | 319.775.793                 |
| Các khoản thu nhập khác      | 30.679.240                  | 7.043.234.981               |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>4.650.975.291</u></b> | <b><u>7.363.010.774</u></b> |

**8. Chi phí khác**

|                           | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 51.314.873               | 956.312.659                 |
| Thuế GTGT bị loại trừ     | -                        | 1.856.968.800               |
| Các khoản chi phí khác    | 1.021.119                | 33.017.229                  |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>52.335.992</u></b> | <b><u>2.846.298.688</u></b> |

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u>      |
|---|-------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ     | 11.903.791.484    | (48.776.129.315)      |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 11.903.791.484    | (48.776.129.315)      |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 22.516.956        | 22.516.956            |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b><u>529</u></b> | <b><u>(2.166)</u></b> |

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 297.603.877.320               | 308.085.071.470               |
| Chi phí nhân công                | 75.533.596.985                | 81.476.213.444                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 18.741.704.899                | 18.105.144.847                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 34.577.249.354                | 77.897.107.652                |
| Chi phí khác                     | 25.894.218.757                | 23.775.402.032                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>452.350.647.315</u></b> | <b><u>509.338.939.445</u></b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

|                           | Chức danh                              | Tiền lương           | Đơn vị tính : VND  |                      |
|---------------------------|--|----------------------|--------------------|----------------------|
|                           |  |                      | Thù lao            | Cộng thu nhập        |
| <b>Năm nay</b>            |  |                      |                    |                      |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương     | Chủ tịch                               | -                    | 15.000.000         | 15.000.000           |
| Ông Phạm Trung Cang       | Phó Chủ tịch thường trực               | 23.460.000           | 15.000.000         | 38.460.000           |
| Ông Phạm Văn Mẹo          | Phó Chủ tịch kiêm<br>Tổng Giám đốc     | 332.412.000          | 15.000.000         | 347.412.000          |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh      | Phó Chủ tịch kiêm<br>Phó Tổng Giám đốc | 322.308.000          | 15.000.000         | 337.308.000          |
| Ông Trần Hữu Vinh         | Thành viên                             | 86.480.000           | 15.000.000         | 101.480.000          |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân     | Thành viên                             | -                    | 15.000.000         | 15.000.000           |
| Ông Huỳnh Minh Việt       | Thành viên                             | -                    | 15.000.000         | 15.000.000           |
| Bà Danh Thuý Oanh         | Thành viên                             | -                    | 15.000.000         | 15.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan  | Thành viên                             | 268.536.000          | 15.000.000         | 283.536.000          |
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng Ban kiểm soát                   | -                    | 15.000.000         | 15.000.000           |
| Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên Ban kiểm soát               | 133.464.000          | 12.500.000         | 145.964.000          |
| Ông Nguyễn Khánh Luân     | Thành viên Ban kiểm soát               | -                    | 12.500.000         | 12.500.000           |
| <b>Cộng</b>               |  | <b>1.166.660.000</b> | <b>175.000.000</b> | <b>1.341.660.000</b> |
| <b>Năm trước</b>          |  |                      |                    |                      |
| Bà Phạm Đỗ Diễm Hương     | Chủ tịch                               | -                    | 75.000.000         | 75.000.000           |
| Ông Phạm Trung Cang       | Phó Chủ tịch thường trực               | 140.760.000          | 75.000.000         | 215.760.000          |
| Ông Phạm Văn Mẹo          | Phó Chủ tịch kiêm Tổng<br>Giám đốc     | 293.412.000          | 75.000.000         | 368.412.000          |
| Bà Tôn Thị Hồng Minh      | Phó Chủ tịch kiêm Phó<br>Tổng Giám đốc | 285.732.000          | 75.000.000         | 360.732.000          |
| Ông Trần Hữu Vinh         | Thành viên                             | 193.104.000          | 75.000.000         | 268.104.000          |
| Bà Phạm Thị Trúc Ngân     | Thành viên                             | -                    | 75.000.000         | 75.000.000           |
| Ông Huỳnh Minh Việt       | Thành viên                             | -                    | 75.000.000         | 75.000.000           |
| Bà Danh Thuý Oanh         | Thành viên                             | -                    | 75.000.000         | 75.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Loan  | Thành viên kiêm<br>Kế toán trưởng      | 299.172.000          | 75.000.000         | 374.172.000          |
| Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa | Trưởng Ban kiểm soát                   | 63.339.000           | 75.000.000         | 138.339.000          |
| Bà Đào Thanh Tuyền        | Thành viên Ban kiểm soát               | -                    | 25.000.000         | 25.000.000           |
| Ông Nguyễn Khánh Luân     | Thành viên Ban kiểm soát               | -                    | 37.500.000         | 37.500.000           |
| Bà Lê Thị Minh Trí        | Thành viên Ban kiểm soát               | 122.256.000          | 62.500.000         | 184.756.000          |
| <b>Cộng</b>               |  | <b>1.397.775.000</b> | <b>875.000.000</b> | <b>2.272.775.000</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Đại Hưng do người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty.

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch nhượng bán tài sản cố định (nhà xưởng và quyền sử dụng đất) với Công ty TNHH Đại Hưng với số tiền là 144.000.000.000 VND (năm trước không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác).

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa, hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

|                  | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Việt Nam         | 287.924.325.610        | 177.017.260.478        |
| Các nước Châu Âu | 148.632.412.471        | 390.028.773.062        |
| <b>Cộng</b>      | <b>436.556.738.081</b> | <b>567.046.033.540</b> |

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2025

|   |  |   |
|---|--|---|
| <br>_____<br>Hồ Nhật Minh<br>Người lập | <br>_____<br>Nguyễn Văn Trinh<br>Kế toán trưởng | <br>_____<br>Tôn Thị Hồng Minh<br>Phó Tổng Giám đốc |
|---|--|---|



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|   | Lĩnh vực thương mại    |                        | Lĩnh vực sản xuất    | Lĩnh vực khác    | Các khoản loại trừ       | Tổng                   |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|------------------|--------------------------|------------------------|
|   |                        |                        |                      |                  |                          |                        |
| <b>Năm nay</b>  |                        |                        |                      |                  |                          |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 17.623.306.171         | 418.901.495.810        |                      | 31.936.100       | -                        | 436.556.738.081        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | 360.837.422.526        | 169.000.000            | 4.896.000.000        |                  | (365.902.422.526)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>378.460.728.697</b> | <b>419.070.495.810</b> | <b>4.927.936.100</b> |                  | <b>(365.902.422.526)</b> | <b>436.556.738.081</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 16.123.144.092         | (10.424.149.228)       | 15.659.133           |                  |                          | 5.714.653.997          |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                        |                      |                  |                          | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                        |                      |                  |                          | 5.714.653.997          |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                        |                      |                  |                          | 6.676.329.250          |
| Chi phí tài chính   |                        |                        |                      |                  |                          | (5.085.831.062)        |
| Thu nhập khác   |                        |                        |                      |                  |                          | 4.650.975.291          |
| Chi phí khác  |                        |                        |                      |                  |                          | (52.335.992)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                        |                      |                  |                          | -                      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                        |                      |                  |                          | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                        |                        |                      |                  |                          | <b>11.903.791.484</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | -                      | <b>7.154.000.000</b>   |                      |                  |                          | <b>7.154.000.000</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>805.239.575</b>     | <b>19.140.339.443</b>  |                      | <b>1.459.216</b> |                          | <b>19.947.038.234</b>  |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> |                        |                        |                      |                  |                          |                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

|   | Lĩnh vực thương mại    | Lĩnh vực sản xuất      | Lĩnh vực khác        | Các khoản loại trừ       | Cộng                    |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                        |                        |                      |                          |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 20.043.938.212         | 546.991.544.368        | 10.550.960           | -                        | 567.046.033.540         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | 195.519.151.840        | 116.717.831.314        | 3.096.000.000        | (315.332.983.154)        | -                       |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>215.563.090.052</b> | <b>663.709.375.682</b> | <b>3.106.550.960</b> | <b>(315.332.983.154)</b> | <b>567.046.033.540</b>  |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | (73.348.978.824)       | 25.698.866.437         | (237.698)            | -                        | (47.650.350.085)        |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                        |                        |                      |                          | (47.650.350.085)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                        |                        |                      |                          | 7.850.845.217           |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                        |                        |                      |                          | (9.692.338.933)         |
| Chi phí tài chính   |                        |                        |                      |                          | 7.363.010.774           |
| Chi phí khác  |                        |                        |                      |                          | (2.846.298.688)         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                        |                        |                      |                          | (3.800.997.600)         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |                        |                        |                      |                          | -                       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |                        |                        |                      |                          | <b>(48.776.129.315)</b> |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>               | <b>54.716.954.546</b>  | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>54.716.954.546</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>682.410.788</b>     | <b>18.622.734.059</b>  | <b>359.216</b>       | <b>-</b>                 | <b>19.305.504.063</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>               | <b>-</b>             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                |



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|--|---------------------|-------------------|---------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                     |                   |               |                    |                        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 14.469.809.852      | 343.943.692.089   | 26.221.487    | -                  | 358.439.723.428        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 126.320.347.397        |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                   |               |                    | <b>484.760.070.825</b> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 7.496.413.566       | 178.187.839.751   | 13.584.637    | -                  | 185.697.837.953        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | -                      |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                   |               |                    | <b>185.697.837.953</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                     |                   |               |                    |                        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | 13.153.221.784      | 358.757.634.532   | -             | -                  | 371.910.856.316        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | 90.000.347.397         |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                     |                   |               |                    | <b>461.911.203.713</b> |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | 6.180.410.712       | 168.572.351.613   | -             | -                  | 174.752.762.325        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                     |                   |               |                    | -                      |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                     |                   |               |                    | <b>174.752.762.325</b> |



**Hồ Nhật Minh**  
 Người lập

Tân Phú, ngày 13 tháng 3 năm 2025





**Nguyễn Văn Trinh**  
 Kế toán trưởng

**Tôn Thị Hồng Minh**  
 Phó Tổng Giám đốc



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**P. CHỦ TỊCH HĐQT**



**Tôn Thị Hồng Minh**